

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB**

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN	: T.S TRẦN THƯỢNG BÍCH LA
SINH VIÊN THỰC HIỆN	: NGUYỄN THỊ LINH NHI
KHÓA HỌC	: 2020 - 2024
LỚP	: 20KH1
MSSV	: 2054010027

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN	2
1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.1. Những khái niệm liên quan	2
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh....	2
1.2. Kế toán doanh thu – thu nhập	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	3
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	8
1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	10
1.3. Kế toán chi phí	12
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính	16
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.3.4. Kế toán chi phí khác.....	22
1.3.5. Kế toán chi phí thuế TNDN	23
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	25
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB	28
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	28
2.1.1. Thông tin khái quát về Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	28
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	30
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.	32
2.1.4. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	32

2.1.5.Hình thức sổ kế toán áp dụng và phần mềm sử dụng tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.....	33
2.2. Kế toán doanh thu – thu nhập tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	34
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.....	34
2.2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	46
2.2.3.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	46
2.2.4.Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.....	50
2.3. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	50
2.3.1.Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	50
2.3.2.Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB..	58
2.3.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	58
2.3.4.Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.....	72
2.3.5.Kế toán chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.	80
2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.....	86
CHƯƠNG III: NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB.....	91
3.1. Những nhận xét đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB..	91
3.1.1. Ưu điểm	91
3.1.2. Hạn chế	92
3.2. Một số ý kiến về công tác kế toán doanh thu xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB	93
KẾT LUẬN.....	98

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Diễn giải
1	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	BTC	Bộ tài chính
5	BVMT	Bảo vệ môi trường
6	CCDC	Công cụ dụng cụ
7	CP	Chi phí
8	GTGT	Giá trị gia tăng
9	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
10	HĐCN	Hợp đồng chuyển nhượng
11	HĐDV	Hợp đồng dịch vụ
12	TK	Tài khoản
13	TNCN	Thu nhập cá nhân
14	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
15	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
16	TSCĐ	Tài sản cố định
17	TT	Thông tư
18	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
19	XK	Xuất khẩu
20	DN	Doanh nghiệp

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu tiêu thụ trực tiếp	5
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán bán hàng trả chậm trả góp	5
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán bán hàng tại đơn vị giao hàng đại lý	6
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng tại đơn vị nhận đại lý	6
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	10
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	12
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	16
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính	18
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán hi phí quản lý doanh nghiệp	21
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí khác	23
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	27
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	31
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty	32
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ hình thức Nhật ký chung	33
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính	34
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán dự phòng phải thu khó đòi	96

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Hóa đơn GTGT ngày 17/01/2023	36
Hình 2.2. Chứng từ giao dịch ngày 06/02/22	37
Hình 2.3. Hóa đơn GTGT xuất bán ngày 19/02/2023	38
Hình 2.4. Phiếu thu theo hóa đơn số 4	39
Hình 2.5. Hóa đơn GTGT xuất bán ngày 23/02/2023	40
Hình 2.6. Chứng từ giao dịch ngày 10/03/2023	41
Hình 2.7. Giao diện phần mềm VIỆT ĐÀ	42
Hình 2.8. Giao diện lập phiếu thu tiền theo hóa đơn số 6	42
Hình 2.9. Giao diện lập phiếu thu khi khách hàng đã thanh toán ngày 10/03/2023 ..	43
Hình 2.10. Chứng từ giao dịch ngày 31/01/2023	47
Hình 2.11. Giao diện lập phiếu thu tiền gửi ngày 31/01/2023	48
Hình 2.12. Hóa đơn GTGT mua vào ngày 13/01/2023	52
Hình 2.13. Giao diện lập phiếu chi tiền theo hóa đơn số 1379	53
Hình 2.14. Giao diện lập phiếu kết chuyển TK 154 vào TK 632	54
Hình 2.15. Phiếu kế toán khác (kết chuyển) từ 154 vào 632	54
Hình 2.16. Hóa đơn GTGT số 2275	59
Hình 2.17. Hình phiếu chi theo hóa đơn GTGT số 2275	60
Hình 2.18. Hóa đơn GTGT số 00000187	61
Hình 2.19. Hình phiếu phi theo hóa đơn GTGT số 00000187	62
Hình 2.20. Bảng thanh toán lương tháng 8 năm 2023	63
Hình 2.21. Bảng tính – trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 8 năm 2023	63
Hình 2.22. Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ 8/2023	65
Hình 2.23. Phiếu kế toán khác – Lương phải trả tháng 8/2023	66
Hình 2.24. Phiếu chi – thanh toán lương tháng 8/2023	66
Hình 2.25. Phiếu kế toán khác – Tính BHXH, BHYT, TN tháng 8/2023	67
Hình 2.26. Giao diện lập phiếu kế toán khác – Lương phải trả tháng 8/2023	68
Hình 2.27. Giao diện lập phiếu kế toán khác – Tính BHXH, BHYT, TN 8/2023 ...	69
Hình 2.28. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 7396302	74
Hình 2.29. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 7396403	77
Hình 2.30. Giao diện lập Phiếu chi tiền gửi (báo nợ) tiền mặt	78
Hình 2.31. Tờ khai thuế TNDN	84
Hình 2.32. Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	85

Hình 2.33. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023	90
Hình 3.1. Minh họa hạch toán hóa đơn GTGT số 6 lên phần mềm VIỆT ĐÀ	94
Hình 3.2. Hình minh họa phiếu thu phần mềm tự động cập nhật	95

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội để tồn tại và phát triển. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp cần phải áp dụng các giải pháp kinh doanh hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của khách hàng, đồng thời tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn, môi trường và xã hội.

Trong đó, kế toán doanh thu, xác định và xác định kết quả kinh doanh là một trong những hoạt động kế toán quan trọng của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ. Kế toán doanh thu, xác định và xác định kết quả kinh doanh không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát được nguồn thu nhập, chi phí và lợi nhuận, mà còn phản ánh được tình hình kinh doanh, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do đó, việc nắm vững các quy định, nguyên tắc và phương pháp kế toán doanh thu, xác định và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết.

Với mong muốn được học hỏi và trải nghiệm thực tế về công việc kế toán doanh thu, xác định và xác định kết quả kinh doanh, em đã xin thực tập tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB. Trong quá trình thực tập, em đã được hướng dẫn và tham gia vào các công việc liên quan đến kế toán doanh thu, xác định và xác định kết quả kinh doanh của công ty, từ đó nâng cao được kiến thức và kỹ năng chuyên môn, cũng như rèn luyện được tinh thần trách nhiệm và kỷ luật làm việc.

Để tổng kết kết quả thực tập và đánh giá được hiệu quả của quá trình thực tập, em đã thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí xác định và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB”. Khóa luận tốt nghiệp được chia làm ba chương, cụ thể như sau:

Chương I: Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương II: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Chương III: Nhận xét, đánh giá và một số ý kiến về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Khóa luận tốt nghiệp là kết quả của quá trình thực tập tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn cô Trần Thượng Bích La và cán bộ kế toán của công ty. Em mong muốn nhận được sự góp ý và đánh giá của quý thầy cô để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Những khái niệm liên quan

Theo Điều 56 của thông tư 133/2016/TT-BTC “Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.”

Theo Điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định. Biểu hiện của kết quả kinh doanh là số lãi (hoặc số lỗ).

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong các doanh nghiệp dịch vụ, hoạt động cung cấp dịch vụ luôn là hoạt động chủ chốt mà các nhà quản trị quan tâm và để có được một quá trình cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh đạt hiệu quả kế toán cần thu thập, xử lý, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác:

- Kế toán cần lập các hóa đơn, chứng từ và thu thập chứng từ phát sinh liên quan đến cung cấp dịch vụ, quản lý doanh nghiệp, hoạt động tài chính và các hoạt động khác đồng thời phản ánh chính xác lên sổ sách kế toán.

- Phản ánh kịp thời, chi tiết khối lượng hàng hóa mua vào, bán ra. Tính toán chính xác các chi phí mua vào của hàng hóa.

- Kế toán cung cấp thông tin cho bộ phận quản lý, giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu cung cấp dịch vụ, doanh thu cung cấp dịch vụ tại đơn vị, tình hình thanh toán tiền hàng để kịp thời.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Kế toán cần lập các hóa đơn, chứng từ và thu thập chứng từ phát sinh liên quan đến cung cấp dịch vụ, quản lý doanh nghiệp, hoạt động tài chính và các hoạt động khác đồng thời phản ánh chính xác lên sổ sách kế toán.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.2. Kế toán doanh thu – thu nhập

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nội dung

❖ Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dùng để phản ánh doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm doanh thu từ bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ hoặc công ty con trong cùng tập đoàn.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Theo Điều 57 của Thông tư 133/2016/TT-BTC doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Chứng từ sử dụng

Hợp đồng kinh tế; Hóa đơn GTGT; Bảng kê hàng hóa dịch vụ; Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có,....

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Tài khoản kế toán sử dụng là Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

○ Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư;

○ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

○ Doanh thu khác.

– Kết cấu tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ:

NỢ	TK 511	CÓ
➤ Các khoản thuế gián thu phải nộp (TTĐB, GTGT, XK, BVMT); ➤ Các khoản giảm trừ doanh thu; ➤ Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

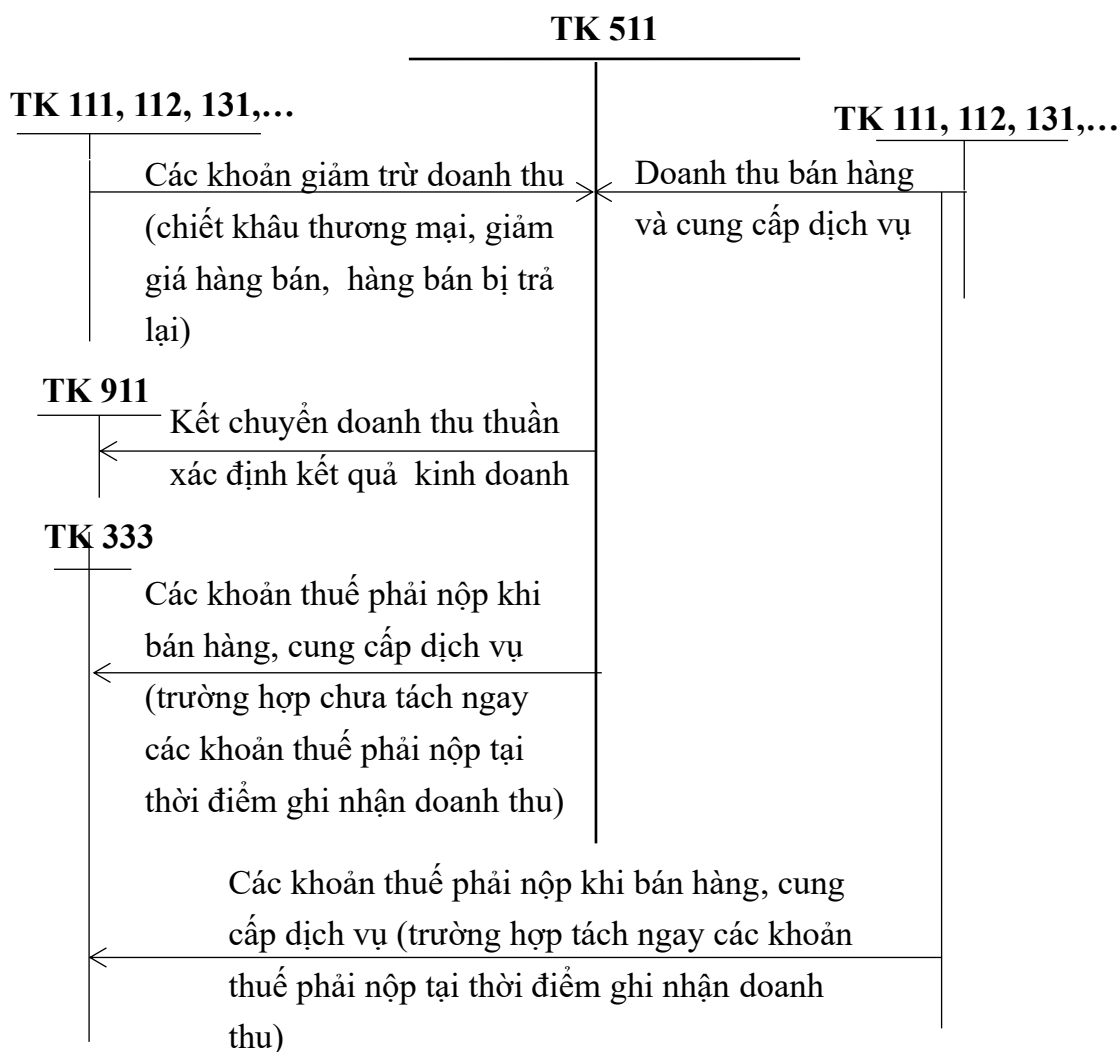
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

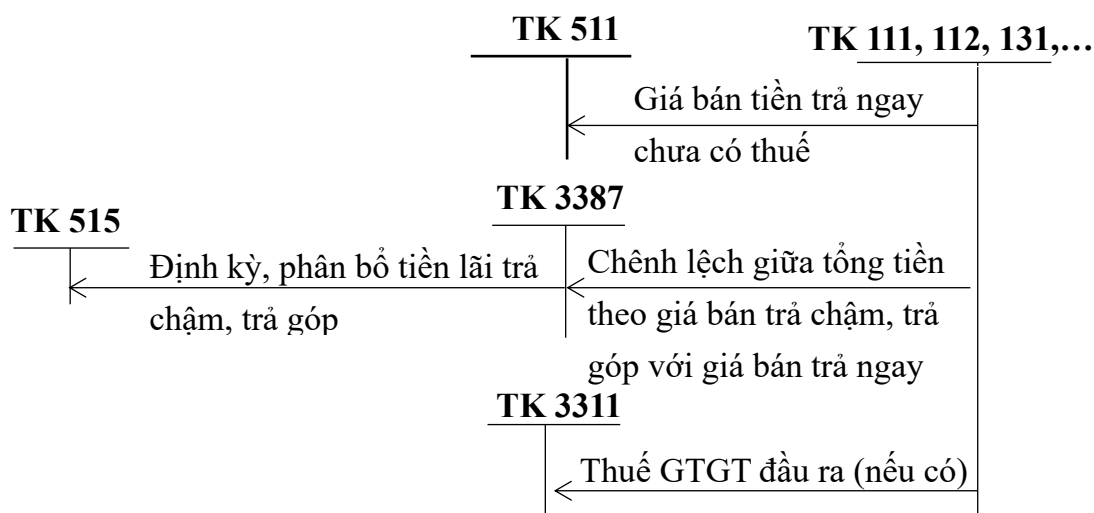
- Tài khoản 5111 –“ Doanh thu bán hàng hóa”
- Tài khoản 5112 –“ Doanh thu bán thành phẩm”
- Tài khoản 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”
- Tài khoản 5118 – “Doanh thu khác”

d. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ hạch toán

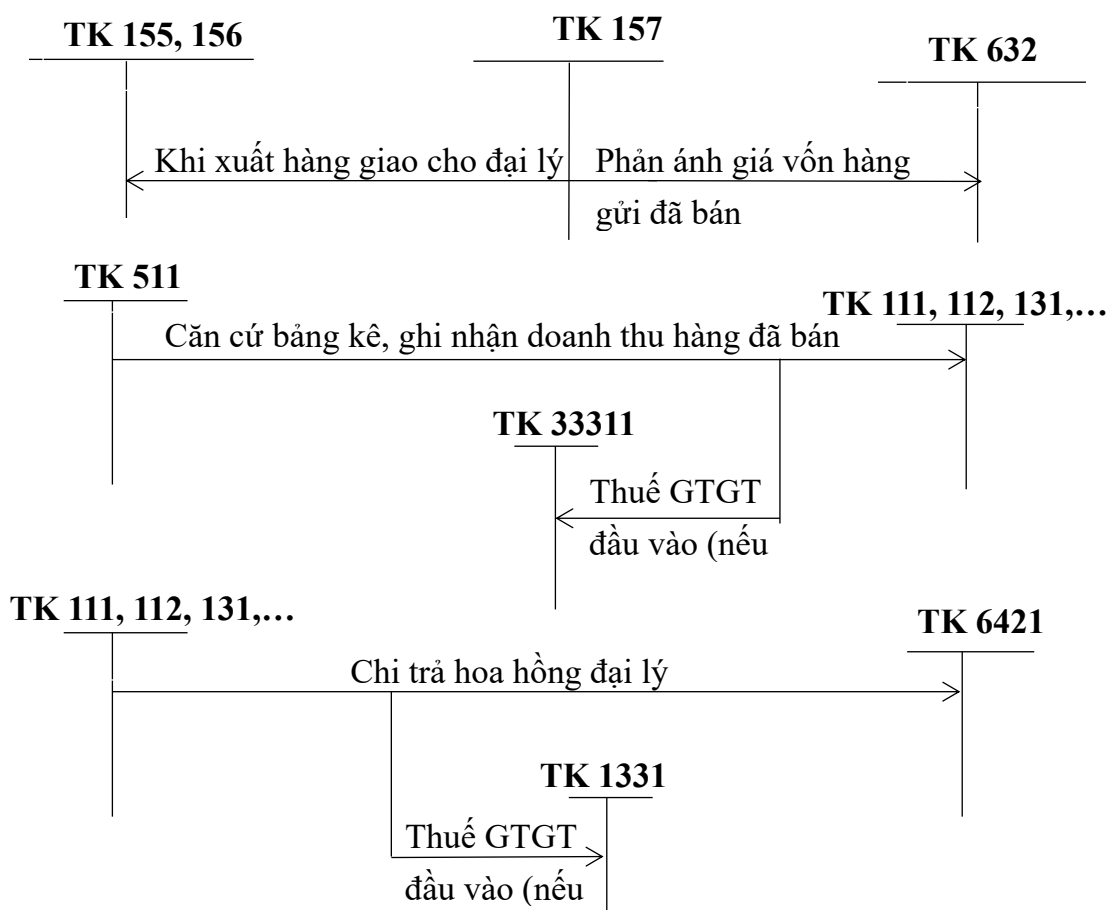


Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu tiêu thụ trực tiếp



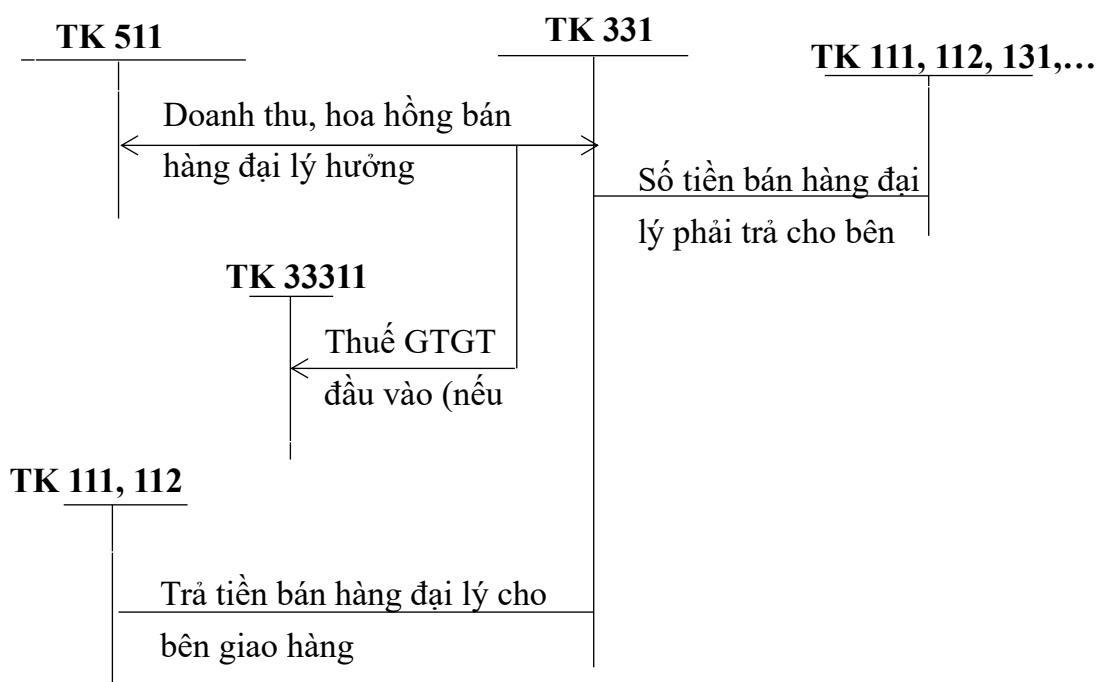
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán bán hàng trả chậm trả góp

- ❖ **Bán hàng thông qua đại lý**
 - **Ở đơn bị giao hàng đại lý**



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán bán hàng tại đơn vị giao hàng đại lý

▪ **Tại đơn vị nhận làm đại lý**



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng tại đơn vị nhận đại lý

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Nội dung

❖ Khái niệm

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng và hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế);

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu

– Chiết khấu thương mại: là các khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua hàng.

– Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

– Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng.

b. Chứng từ sử dụng

❖ Chiết khấu thương mại:

– Văn bản về chính sách thương mại; Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại; Hóa đơn GTGT (ghi rõ tỷ lệ và số tiền chiết khấu); Phiếu chi; Bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh.

❖ Giảm giá hàng bán:

– Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán; Biên bản giảm giá hàng bán; Hóa đơn GTGT (thu hồi HĐ cũ và lập mới hoặc ghi giảm giá cho lần bán sau).

❖ Hàng bán bị trả lại:

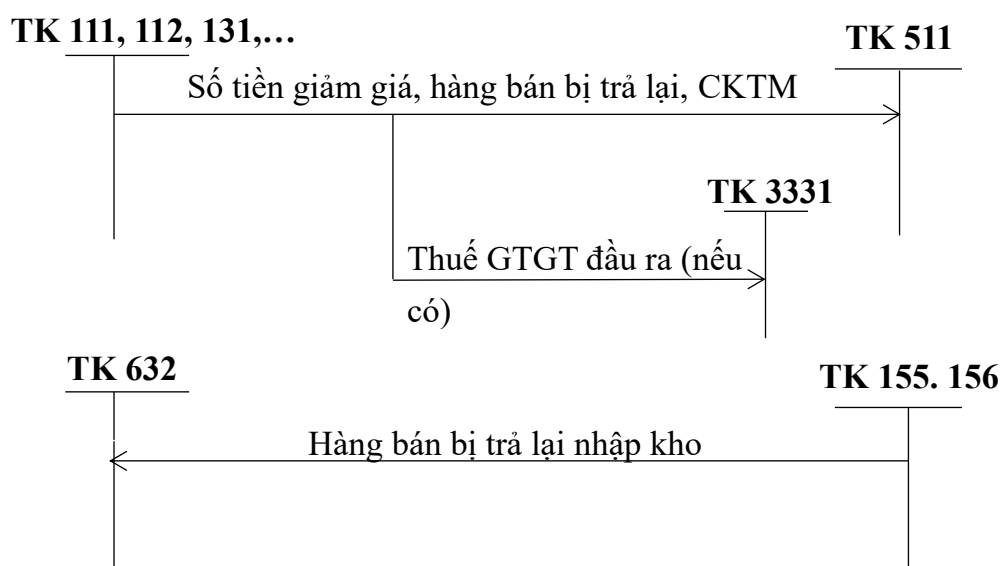
– Biên bản trả lại hàng bán; Biên bản thu hồi hóa đơn; Hóa đơn GTGT (lập mới với diễn giải hàng trả lại người bán); Chứng từ kèm theo: phiếu chi, giấy báo nợ.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

– Kế toán ghi nhận *Các khoản giảm trừ doanh thu*: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào *Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*.

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung

Theo quy định tại điều 58 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Khoản doanh thu tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong giai đoạn đầu tư.
- Thu nhập từ các hoạt động đầu tư chứng khoán, lãi chuyển nhượng vốn và các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái, lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có; Phiếu thu; Bảng sao kê tiền gửi ngân hàng; Bảng tính lãi; Hợp đồng kinh tế; Sổ phụ ngân hàng; Sao kê ngân hàng; Khế ước ngân hàng.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 58 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

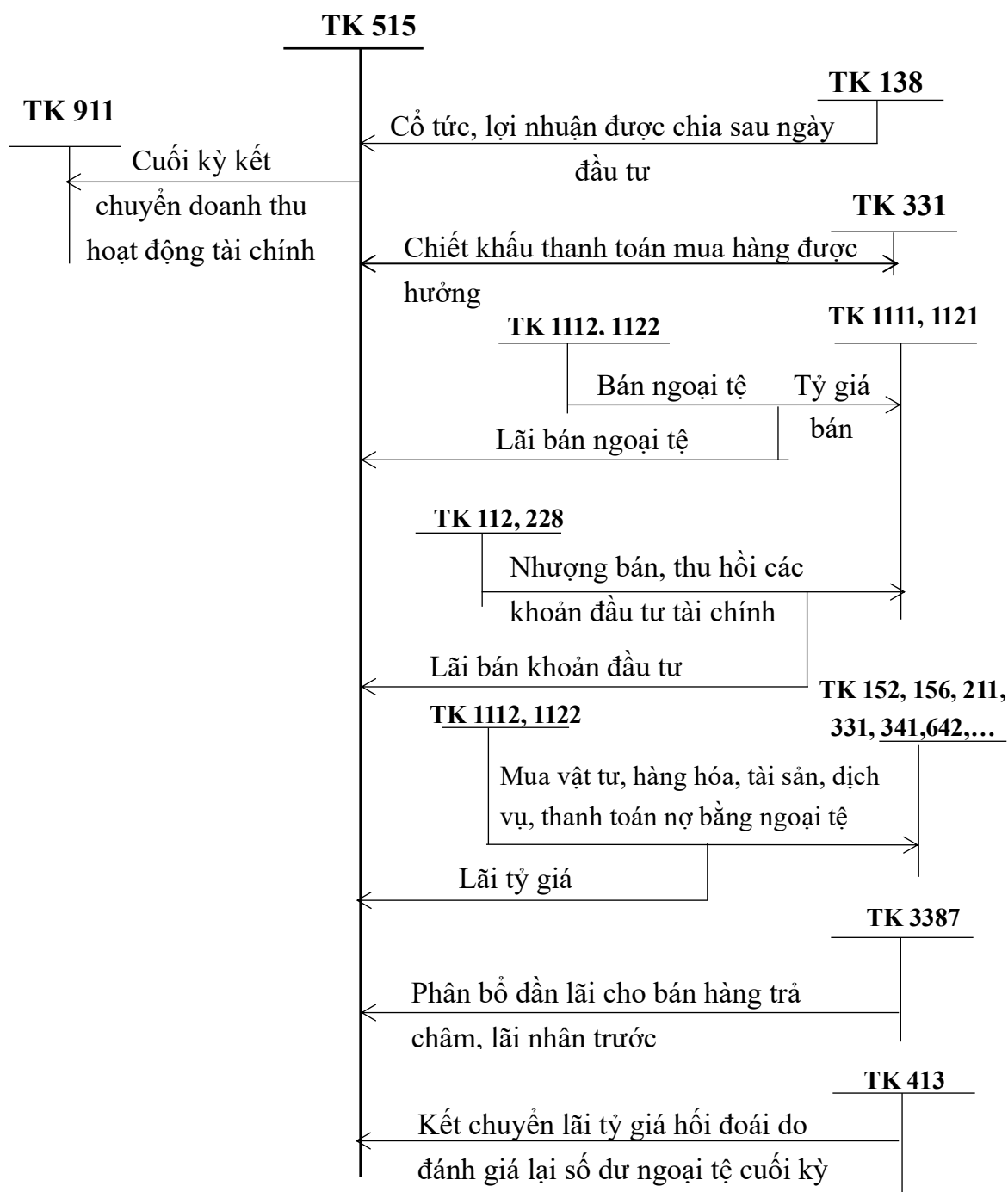
- Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính là Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:
 - Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
 - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
 - Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ;
 - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.
- Kết cấu tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:

NỢ	TK 515	CÓ
➤ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); ➤ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung

Theo quy định CMKT Việt Nam Chuẩn mực số 14/2001/QĐ-BTC:

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác bao gồm các khoản như: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã

xử lý khóa sổ; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; các khoản thuế được giảm, hoàn thuế,...

b. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng; Phiếu thu, giấy báo có; Biên bản thanh lý TSCĐ; Hợp đồng kinh tế; Biên bản đánh giá lại TSCĐ; Giấy thông báo hoàn thuế; Biên bản thanh lý công nợ; Biên bản vi phạm hợp đồng

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

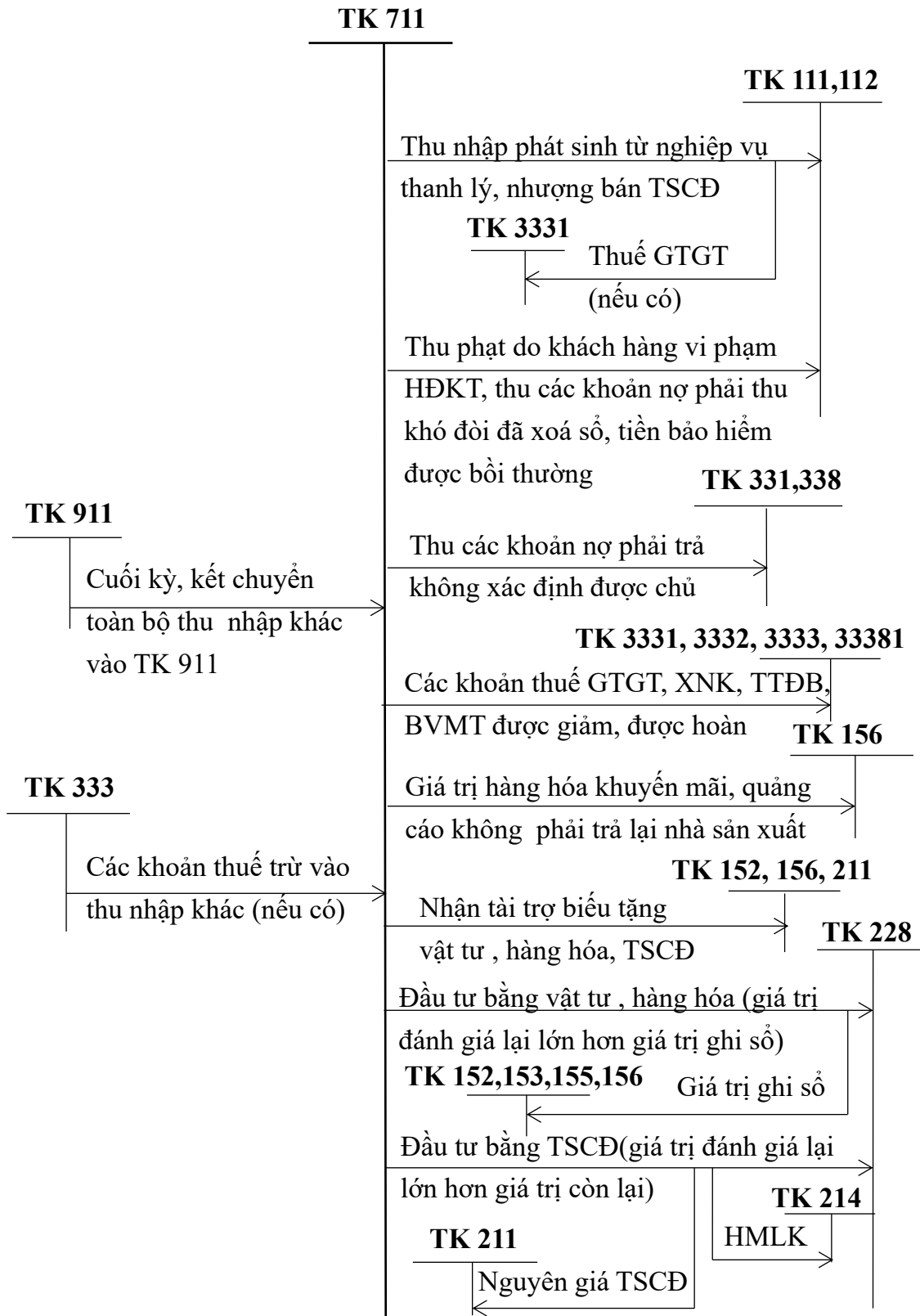
– Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận các khoản thu nhập khác là Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

– Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

– Kết cấu tài khoản 711 – Thu nhập khác:

NỢ	TK 711	CÓ
➤ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. ➤ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ		

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung

❖ Khái niệm

Theo quy định tại điều 62 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Giá vốn hàng bán là một loại chi phí, phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

❖ Các phương pháp tính

Theo quy định tại điều 22 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Khi xác định giá xuất kho hàng hóa trong kỳ, doanh nghiệp áp dụng một trong bốn phương pháp sau:

➤ Phương pháp giá thực tế đích danh:

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

➤ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Tức là hàng nào nhập trước thì ưu tiên xuất trước và cuối kỳ số hàng tồn còn lại trong kho thì có giá trị của hàng nhập gần hoặc cuối kỳ.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Tùy thuộc vào hệ thống quản lý hàng tồn kho tại doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hay phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

 Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (còn được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ) : giá vốn hàng hóa được tính bằng giá trị và số lượng của loại hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ.

Đơn giá bình quân cuối kỳ của một loại hàng hóa	=	$\frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Giá trị hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá nhập trong kỳ}}$
---	---	---

Giá vốn hàng hóa xuất bán	=	$\text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân cuối kỳ}$
---------------------------	---	---

🚦 Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (là phương pháp bình quân thời điểm): giá xuất kho hàng hóa được tính sau từng lô hàng nhập về.

Đơn giá bình quân thời điểm của một loại hàng hóa	=	$\frac{\text{Giá trị hàng hóa trước khi nhập}}{\text{Số lượng hàng hóa trước khi nhập}} + \frac{\text{Giá trị hàng hóa nhập kho}}{\text{Số lượng hàng hoá nhập kho}}$
---	---	---

Giá vốn hàng hóa xuất bán	=	$\text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân thời điểm}$
---------------------------	---	---

➤ Phương pháp giá bán lẻ:

Một số đơn vị có đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự) có thể áp dụng kỹ thuật xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp giá bán lẻ. Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

b. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho; Phiếu nhập kho; Hóa đơn GTGT; Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn; Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 62 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

– Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận giá vốn hàng bán là *Tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”*.

– Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...”.

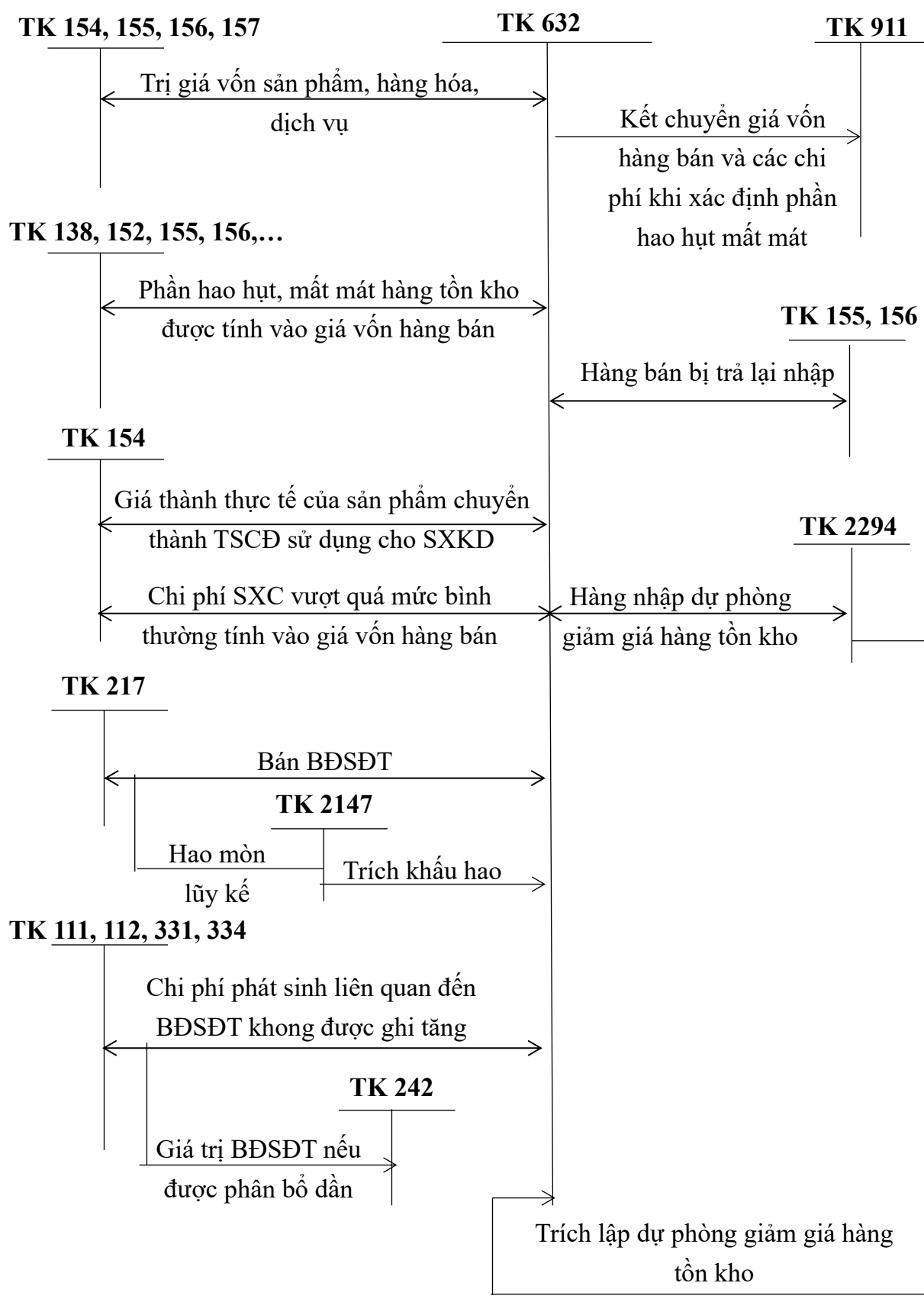
– Kết cấu TK 632 – Giá vốn hàng bán:

NỢ	TK 632	CÓ
➤ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. ➤ Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; ➤ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; ➤ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		➤ Kết chuyển giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” ➤ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); ➤ Trị giá hàng bán bị trả lại; ➤ Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;



Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung

Chi phí tài chính là các loại chi phí hoặc khoản lỗ được tạo ra từ hoạt động đầu tư tài chính, cho vay và đi vay vốn, chi phí do đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ tỷ giá khi bán ngoại tệ, giao dịch mua chứng khoán và một số khoản chi phí khác.

b. Chứng từ sử dụng

Giấy báo nợ; Phiếu chi; Bảng tính lãi vay; Hợp đồng kinh tế; Sổ phụ ngân hàng; Sao kê ngân hàng; Khế ước ngân hàng.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 63 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

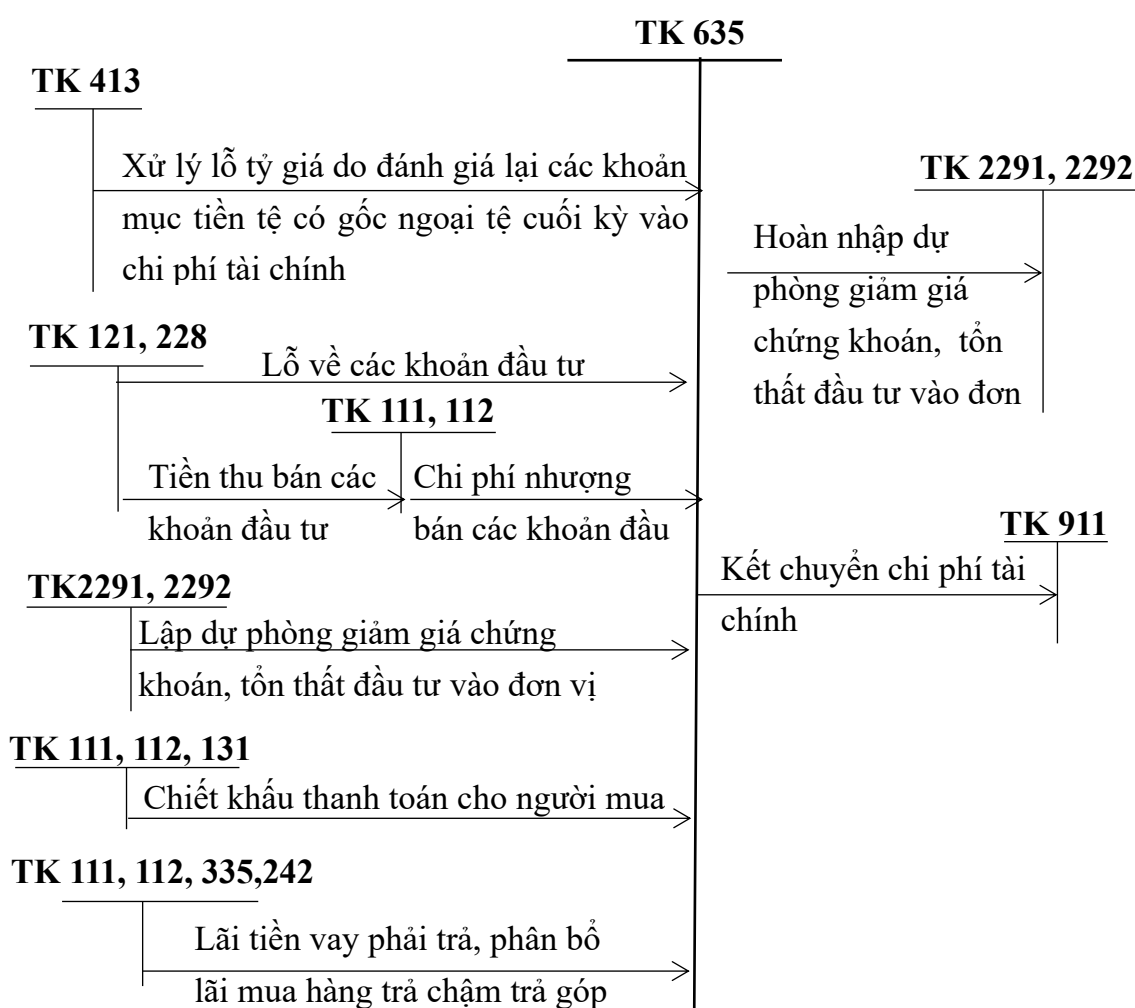
- Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận chi phí hoạt động tài chính là Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.
- Tài khoản Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:
 - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua;
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
 - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
 - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
 - Các khoản chi phí tài chính khác.”
- Kết cấu tài khoản 635 – Chi phí tài chính:

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung

❖ Khái niệm

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ: lương nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, BHTNLĐ của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; chi phí bảo hành; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác trong bộ phận bán hàng.

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác liên quan đến bộ phận quản lý doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng

❖ Chi phí bán hàng

Hóa đơn GTGT; Phiếu chi, giấy báo nợ; Bảng chấm công; Bảng tính lương; Bảng thanh toán tiền lương; Bảng trích nộp các khoản theo lương; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Bảng phân bổ NL, VL, CCDC; Bảng thanh toán hàng đại lý, kí gửi; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Hóa đơn GTGT; Phiếu chi, giấy báo nợ; Bảng tính lương; Bảng thanh toán tiền lương; Bảng trích nộp các khoản theo lương; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Bảng phân bổ NL, VL, CCDC; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Biên lai nộp thuế, phí, lệ phí.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận chi phí quản lý kinh doanh là: Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết cấu tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh:

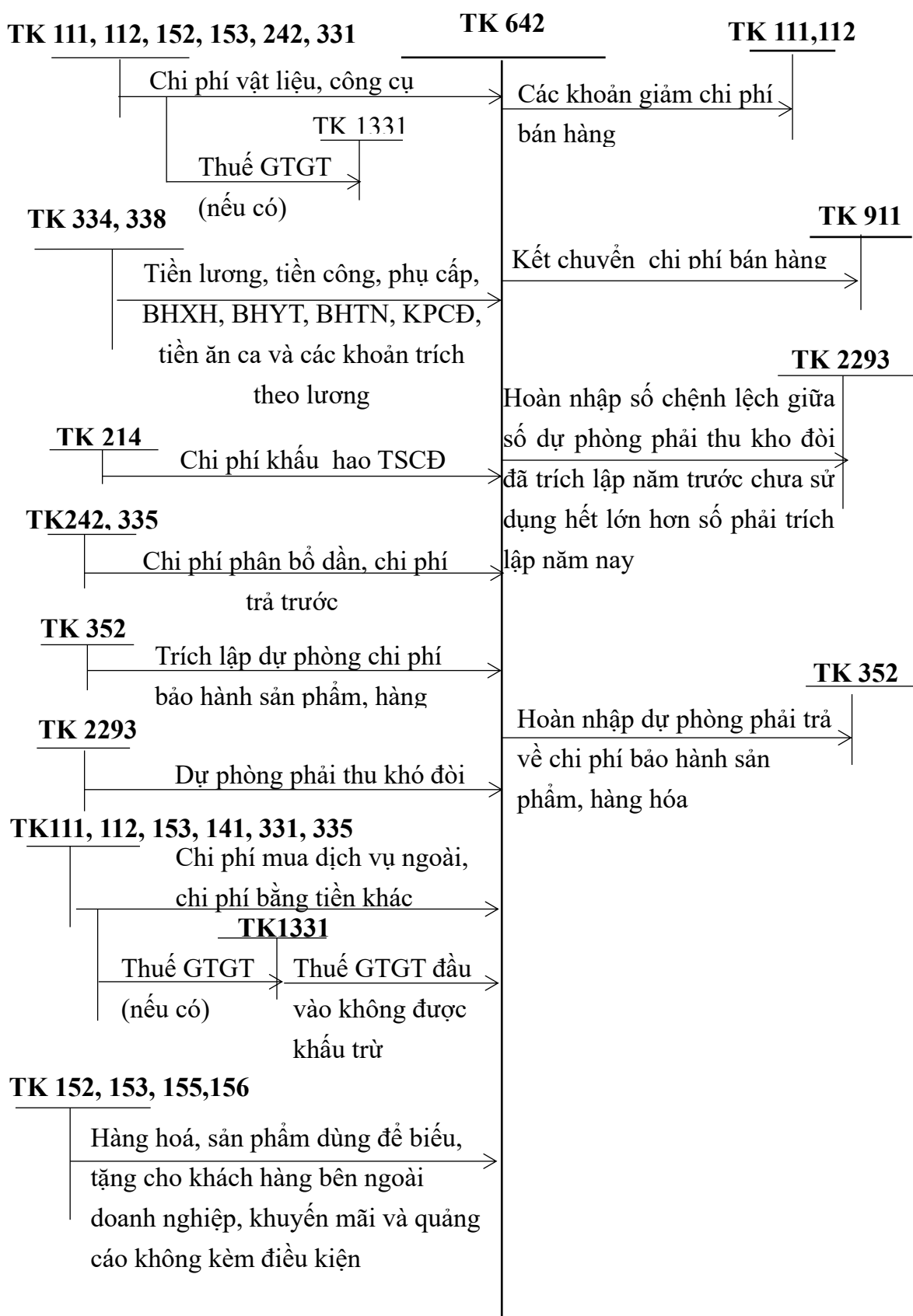
TK 642

NỢ	Chi phí quản lý kinh doanh	CÓ
➤ Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; ➤ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	➤ Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; ➤ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); ➤ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.	
X Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.		

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung

Chi phí khác là các khoản chi phí ngoài sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ; giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt do vi phạm hành chính, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ,... đầu tư vào công ty khác.

b. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng; Phiếu chi, giấy báo nợ; Biên bản giao nhận TSCĐ; Biên bản thanh lý TSCĐ; Biên bản đánh giá lại TSCĐ; Bản tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Biên bản vi phạm hợp đồng; Biên lai nộp thuế, biên lai thu tiền; Hợp đồng kinh tế

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 66 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

– Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận các khoản chi phí khác là Tài khoản 811 – Chi phí khác.

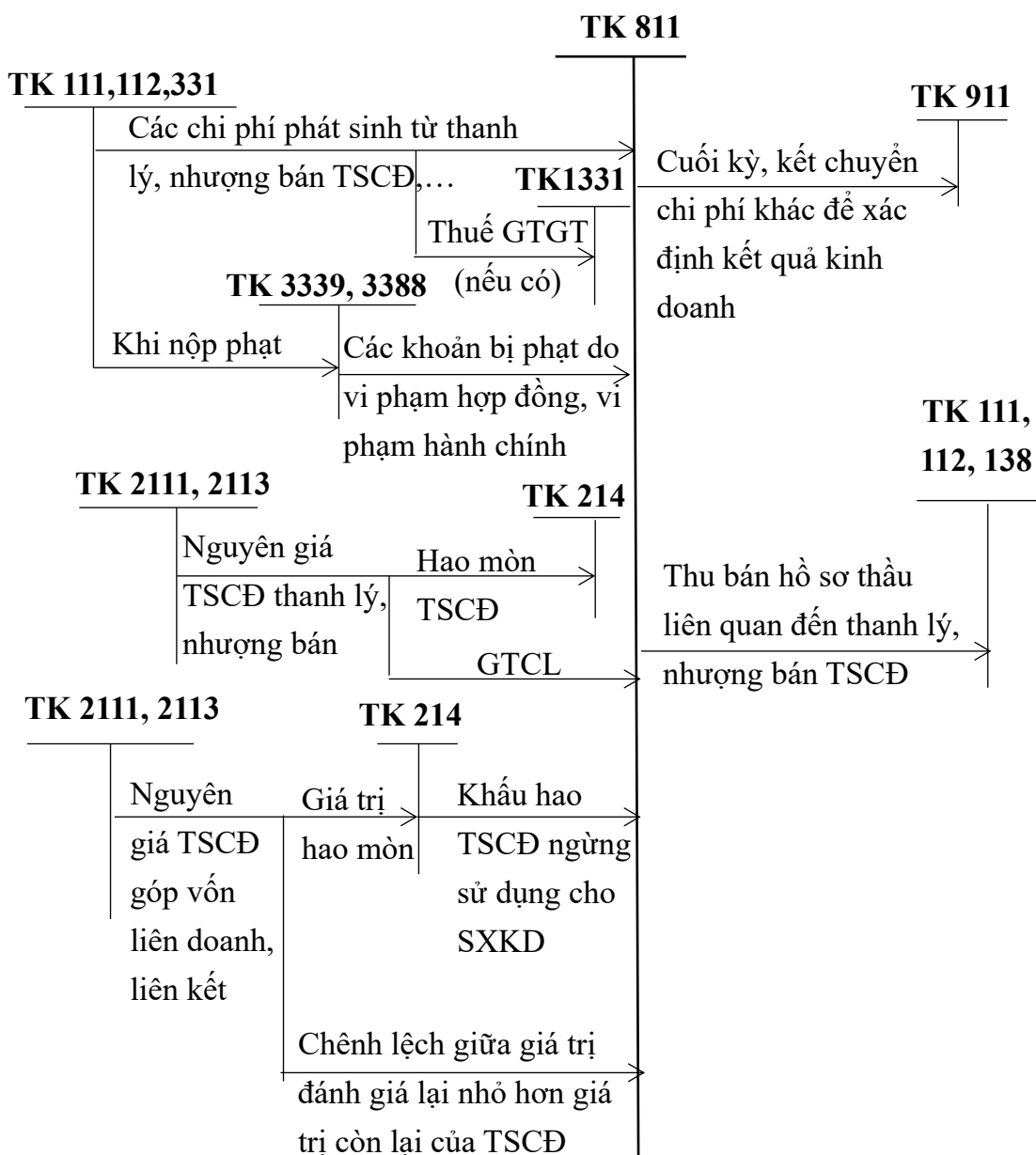
– Tài khoản này dùng để phản ánh các tài khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ, thanh lý, nhượng bán, tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản chi phí khác,...

– Kết cấu tài khoản 811 – Chi phí khác:

NỢ	TK 811	CÓ
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế TNDN

a. Nội dung

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập khoa học công nghệ (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ}) + \text{Thu nhập khác}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

b. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán; Tờ khai quyết toán thuế TNDN ; Biên lai, Giấy nộp tiền vào Ngân Sách Nhà Nước; Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo có.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 67 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Tài khoản kế toán ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN.
- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Kết cấu tài khoản 821 – Chi phí thuế TN

NỢ	TK 821	CÓ
➤ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; ➤ Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	➤ Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm; ➤ Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí TNDN trong năm hiện tại; ➤ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.	

✕
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán

TK 821	
TK 3334	TK 911
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	Kết chuyển chi phí thuế TNDN
Phải nộp bổ sung thuế TNDN do sai sót không trọng yếu của năm trước	Giảm thuế TNDN trong năm do sai sót không trọng yếu của năm trước
Chênh lệch số thuế TNDN trong năm do quyết toán thuế TNDN lớn hơn thuế TNDN tạm nộp	Giảm thuế TNDN trong năm do quyết toán thuế TNDN nhỏ hơn thuế TNDN tạm nộp

Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Nội dung

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Các công thức xác định kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận gộp	=	Doanh thu thuần	–	Giá vốn hàng bán
---------------	---	-----------------	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ HĐKD	=	Lợi nhuận gộp +	Doanh thu HĐTC	–	Chi phí HĐTC	–	Chi phí QLKD
-------------------------	---	-----------------	----------------	---	--------------	---	--------------

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	–	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------------	---	-------------------------	---	----------------

Lợi nhuận sau thuế	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	–	Chi phí thuế TNDN
--------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

b. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán; Phiếu kết chuyển

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 67 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

– Tài khoản kế toán sử dụng ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm là Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

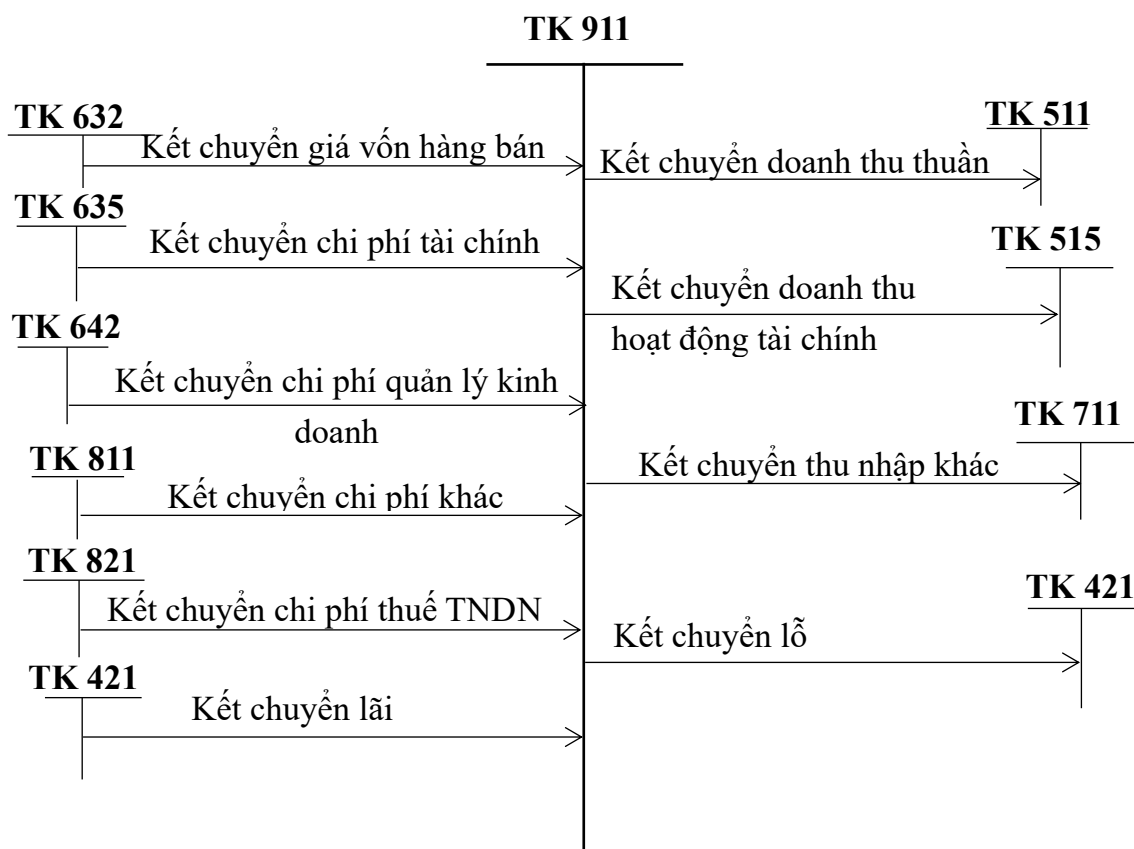
– Kết quả kinh doanh là số lãi hoặc lỗ do các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mang lại trong một kỳ kế toán.

– Kết cấu tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh:

NỢ	TK 911	CÓ
➤ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; ➤ Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; ➤ Chi phí quản lý kinh doanh; ➤ Kết chuyển lãi.		➤ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; ➤ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; ➤ Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

2.1.1. Thông tin khái quát về Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Giới thiệu chung

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB.

– Tên giao dịch bằng tiếng Anh: VQB QUALITY SOLUTIONS COMPANY LIMITED.

– Tên viết tắt: VQB Việt Nam.

– Đăng ký doanh nghiệp (Xem phụ lục số 1)

▪ Đăng ký lần đầu: 05/10/2016

▪ Đăng ký thay đổi lần thứ 2: 24/03/2020

– Vốn điều lệ: 1.000.000.000

– Logo:



– Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông NGUYỄN VĂN MINH.

– Trụ sở chính: Thôn 1 Thanh Long, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

– Mã số thuế: 3101021403

– Tel : 0232.3573.333

– Hotline: 0816.180.008

– Email: vqbtraining@gmail.com.

b. Lĩnh vực kinh doanh

– Công ty TNHH giải pháp chất lượng VQB là công ty hàng đầu về lĩnh vực cung cấp các giải pháp kinh doanh cho doanh nghiệp, Đào tạo, Tư vấn, Đánh giá và Chứng nhận tiêu chuẩn Viet GAP, Global GAP, BAP, ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 17025 ...trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm và các dịch vụ khác, đánh giá rủi ro cho các Doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm.

– Dịch vụ phần mềm bảo đảm an toàn: Dịch vụ kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; Dịch vụ kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động; Dịch vụ giám định thương mại.

– Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn môi trường; Đánh giá tác động môi trường; Điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, quản lý thông tin, số liệu về đa dạng sinh học, môi trường.

– Bên cạnh đó còn thực hiện các dự án thực nghiệm về giống cây giống chuyên cung cấp các giống cây giống, các giống vật nuôi gia súc cho bà con nông dân thực hiện những mong ước một nền nông nghiệp chất lượng cao và phát triển bền vững.

Ngoài ra Công ty còn hoạt động kinh doanh các ngành, nghề khác:

– Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Đại lý vé máy bay, vé tàu, vé xe,...

– Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; Hoạt động đào tạo và tư vấn phòng cháy chữa cháy cho doanh nghiệp. Đào tạo tin học và ngoại ngữ.

c. Đặc điểm kinh doanh

– Đa dạng về lĩnh vực và phạm vi hoạt động.

– Cam kết thực hiện và tuân thủ phần mềm pháp luật Việt Nam trong đầu tư kinh doanh.

– Cam kết hỗ trợ khách hàng tối đa trong đầu tư kinh doanh và tính hiệu quả của đầu tư.

– Cam kết đội ngũ cán bộ công nhân viên luôn luôn lắng nghe, chuyên nghiệp, thân thiện và sáng tạo.

– Chú trọng đến việc tìm hiểu nhu cầu khách hàng, đưa ra những giải pháp thiết thực và mang tính thực tiễn trong tình huống.

d. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Giải pháp Chất lượng VQB:

– Năm 2016: Thành lập và Bắt Đầu Hoạt Động

▪ Công ty TNHH Giải pháp Chất lượng VQB được thành lập với mục tiêu chính là cung cấp các giải pháp kinh doanh cho doanh nghiệp.

▪ Tập trung vào đào tạo, tư vấn, đánh giá và chứng nhận các tiêu chuẩn quốc tế như Viet GAP, Global GAP, BAP, ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 17025 trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm và các dịch vụ khác.

– Năm 2017-2019: Mở Rộng Dịch Vụ và Đối Tác

- Công ty mở rộng hoạt động vào lĩnh vực chứng nhận, kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị máy móc, đào tạo an toàn vệ sinh lao động và các dịch vụ liên quan đến an toàn và chất lượng sản phẩm.

- Thiết lập đối tác trong ngành công nghiệp 4.0 để đảm bảo rằng các doanh nghiệp được đào tạo và tư vấn theo các tiêu chuẩn mới và yêu cầu công nghiệp hiện đại.

– Năm 2020-2022: Mở rộng dịch vụ hỗ trợ khác và Nghiên Cứu Phát Triển

- Mở rộng dịch vụ hỗ trợ khác như đại lý vé máy bay, vé tàu, vé xe để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

- Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục với các dịch vụ tư vấn giáo dục, đánh giá kiểm tra giáo dục, và tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.

- Thực hiện các dự án thực nghiệm về giống cây giống nhằm hỗ trợ bà con nông dân và thúc đẩy phát triển bền vững trong nông nghiệp.

– Năm 2023-2024: Mở Rộng Quy Mô và Đa Ngành

- Mở rộng hoạt động kinh doanh vào các ngành khác như dịch vụ hỗ trợ giáo dục, nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

- Sản xuất và kinh doanh máy chuyên dụng, như máy sản xuất nước uống tinh khiết và máy nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời để đa dạng hóa cung cấp sản phẩm và dịch vụ.

❖ Định hướng phát triển tương lai

–VQB Việt Nam sẽ hướng đến trở thành nhà cung cấp dịch vụ có uy tín trong lòng khách hàng với nhiều giải pháp tư vấn quản lý tiện ích và hiệu quả cao.

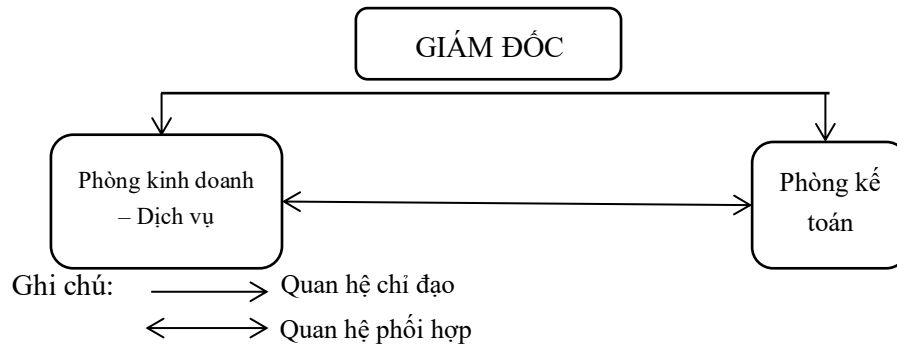
–VQB Việt Nam xác định sẽ đầu tư vào các kênh bán lẻ hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp sạch tới tay người tiêu dùng tại Việt Nam.

–VQB Việt Nam xác định nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định đến sự thành công của Công ty. Chú trọng đầu tư và đào tạo cho nhân viên làm việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả, sáng tạo và thành công.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Năm 2024 công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB tạo dựng một tổ chức bộ máy quản lý linh hoạt và hiệu quả với 5 nhân viên:

a. Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

b. Chức năng của các bộ phận quản lý

– Giám đốc:

- Là người đứng đầu và người có vai trò quan trọng trong công ty, là người đại diện pháp luật chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng của Nhà Nước.
- Là người điều hành và đưa ra những ý kiến chỉ đạo điều hành với các trưởng phòng ban để sắp xếp công việc theo một trật tự nhất định.
- Đại diện ký kết các hợp đồng, các văn bản hành chính liên quan đến hoạt động của công ty.
- Đưa ra các quy định, các quy chế thưởng phạt đối với các cấp quản lý tại công ty.

– Phòng kinh doanh – Dịch vụ có 2 nhân viên có các chức năng:

- Là bộ phận chịu trách nhiệm đưa ra chiến lược kinh doanh, khắc phục những điểm yếu mắc hạn chế, phát huy những điểm mạnh để công ty ngày càng phát triển.
- Điều hành các hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ, tạo doanh thu cho công ty.
- Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm nguồn khách hàng và nguồn cung cấp tốt cho công ty.
- Là bộ phận tiếp nhận những yêu cầu, đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế cùng với đó theo dõi việc thực hiện hợp đồng với đối tác, tư vấn, giới thiệu với khách hàng.
- Phụ trách các vấn đề liên quan đến dịch vụ của công ty, như cung cấp và bảo hành, hỗ trợ và tư vấn khách hàng.

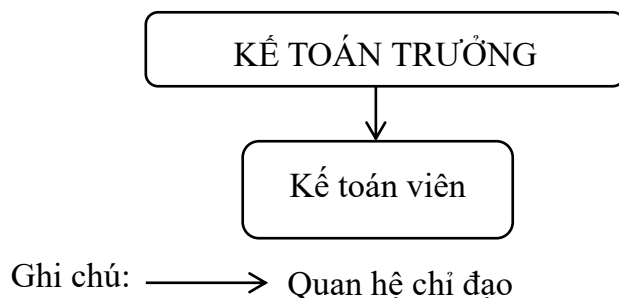
– Phòng kế toán có 2 nhân viên có các chức năng:

- Tổ chức các hoạt động kế toán phù hợp với Luật kế toán và Chế độ kế toán hiện hành.

- Tổ chức thu thập chứng từ kế toán, ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời tình hình tài chính và tài sản của công ty. Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính của công ty. Chịu trách nhiệm toàn bộ về các hoạt động tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các số liệu, báo cáo do phòng ban lập ra.

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

b. Chức năng các bộ phận kế toán

– Kế toán trưởng:

- Chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động kế toán của công ty.
- Quản lý và hướng dẫn công việc của nhân viên kế toán khác (nếu có).
- Chuẩn bị báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan.
- Tham gia vào quá trình ra quyết định chiến lược và kế hoạch tài chính.

– Kế toán viên

- Thực hiện các nhiệm vụ kế toán hàng ngày như ghi sổ, kiểm tra chứng từ, và xử lý giao dịch tài chính.
- Hỗ trợ Kế toán trưởng trong việc chuẩn bị báo cáo và thông tin tài chính.
- Làm việc chặt chẽ với các bộ phận khác để đảm bảo thông tin tài chính chính xác.
- Thực hiện các công việc kế toán theo chỉ đạo của Kế toán trưởng.

2.1.4. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

❖ Chế độ kế toán áp dụng tại công ty: Công ty áp dụng chế độ kế toán: Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016 TT – BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài Chính.

❖ Chính sách kế toán áp dụng:

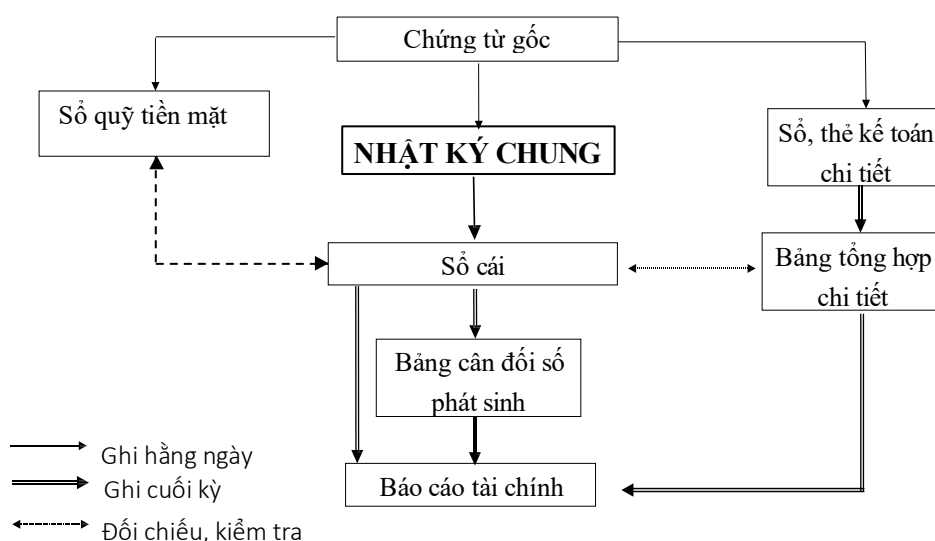
- Năm tài chính: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng (VND).
- Phương pháp tính, kê khai và nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

2.1.5. Hình thức sổ kế toán áp dụng và phần mềm sử dụng tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung** là một trong những hình thức ghi sổ kế toán phổ biến hiện nay, được áp dụng bởi nhiều doanh nghiệp, trong đó có Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB.

Hình thức sổ kế toán nhật ký chung mang lại nhiều ưu điểm cho Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB, như thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu từng nghiệp vụ, ứng dụng công tác kế toán trên máy vi tính, v.v. Tuy nhiên, hình thức này cũng có một số nhược điểm, như khối lượng ghi chép nhiều, còn bị trùng lặp, cần có sự kiểm tra loại bỏ nghiệp vụ trùng, v.v.

Trình tự ghi sổ:

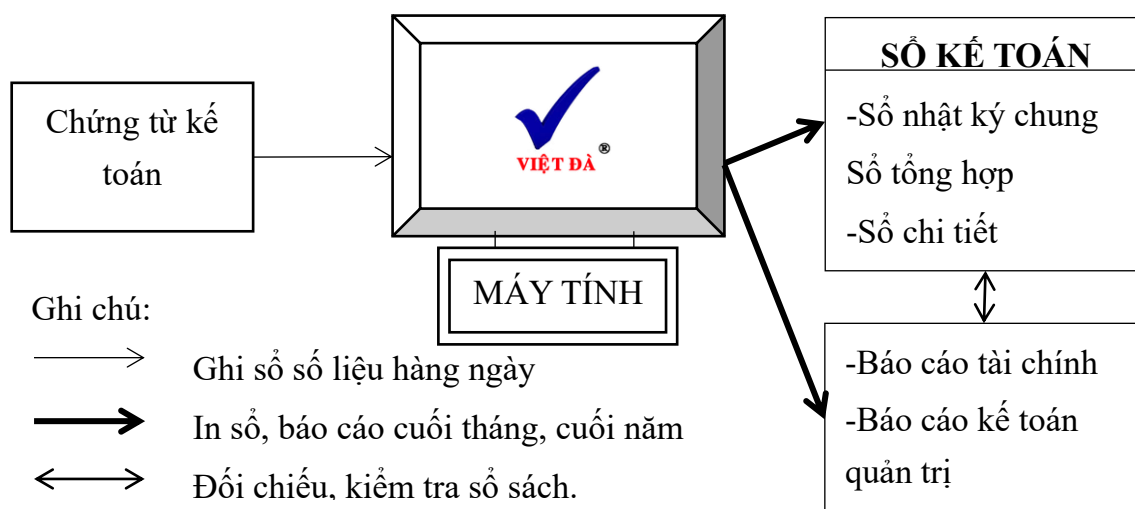


Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ hình thức Nhật ký chung

Để công tác kế toán trở nên thuận tiện, nhanh chóng. Công ty sử dụng phần mềm kế toán **VIỆT ĐÀ phiên bản 21.0727**.

Sự kết hợp của kế toán viên cùng phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ giúp cho việc lập chứng từ, ghi sổ kế toán, theo dõi các phân hành, các tài khoản và lập báo cáo tài chính trở nên dễ dàng, nhanh gọn.

– Mô tả quy trình ghi sổ kế toán trên phần mềm VIỆT ĐÀ tại Công Ty Giải Pháp Chất Lượng VQB:



Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán trên máy tính, sử dụng bộ chứng từ sổ sách của hình thức Nhật ký chung.

Công việc ghi sổ kế toán hàng ngày trên máy tính cụ thể là phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ được thực hiện:

– Hằng ngày, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán như hóa đơn GTGT mua vào, hóa đơn GTGT bán ra, phiếu thu, phiếu chi, sổ phụ ngân hàng và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có sau đó nhập dữ liệu vào Phần mềm VIỆT ĐÀ theo các phân hệ trên máy tính với các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên các sổ tổng hợp và sổ chi tiết có liên quan.

– Cuối năm hoặc cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng sẽ thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí sau đó sẽ thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính. Phần mềm sẽ tự động kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra số liệu, đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã được in ra giấy và để các bộ phận liên quan ký duyệt sau đó đính kèm cùng chứng từ gốc và lưu trữ theo đúng quy định.

2.2. Kế toán doanh thu – thu nhập tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Nội dung

Doanh thu hoạt động công ty được ghi nhận ngay sau khi việc cung cấp dịch vụ được hoàn tất và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ sẽ liên lạc với nhân viên công ty qua điện thoại hoặc đến trực tiếp công ty để đặt đơn hàng và yêu cầu báo giá. Phòng kinh doanh – Dịch vụ sẽ tiếp nhận yêu cầu và gửi bảng báo giá đến cho khách hàng. Khi nhận được bảng báo giá nếu khách hàng đồng ý bảng giá, hai bên sẽ tiến hành ký kết hợp đồng. Quá trình này đảm bảo rằng cả hai bên hiểu rõ về các điều khoản và điều kiện của hợp đồng, đồng thời tạo ra một cơ sở để thực hiện dịch vụ một cách hiệu quả và minh bạch.

Dựa vào hợp đồng bộ phận kế toán tiến hành lập hóa đơn giá trị gia tăng. Từ hóa đơn, kế toán sẽ nhập dữ liệu vào phần mềm Việt Đà, cụ thể là nhập liệu vào phần hành bán hàng của phần mềm để kết chuyển dữ liệu vào các sổ nhật ký chung, sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản liên quan.

Nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì kế toán tiến hành lập phiếu thu tiền mặt. Nếu khách hàng chưa thanh toán kế toán sẽ lập phiếu thu và ghi tăng tài khoản phải thu khách hàng theo chi tiết cho đối tượng khách hàng. Bên cạnh đó ghi tăng khoản doanh thu bán hàng hóa, phần mềm sẽ cập nhật số liệu vào các sổ chi tiết của tài khoản 1111, 1121, 131, 5113.

b. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn bán hàng; Phiếu thu/Giấy báo có

c. Tài khoản sử dụng

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trong đó sử dụng TK cấp 2 TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ chi tiết TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

e. Quy trình ghi sổ

❖ Minh họa nghiệp vụ 1

Ngày 17/01/2023 công ty hoàn thành hợp đồng đồng số:119/2022/VQB-HĐCN ký ngày 01/07/2022.

Cùng ngày công ty lập hóa đơn giá trị gia tăng ở trang web VNPT INVOICE với nội dung: Phí lấy mẫu giám sát chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tháng 01/2023 theo hợp đồng số:119/2022/VQB-HĐCN ký ngày 01/07/2022 cho Công ty TNHH Thủy Sản Công Nghệ Cao Việt Nam – Chi nhánh

[illegible]

36

Căn cứ theo Hóa đơn GTGT số 1, nhân viên phòng kinh doanh – dịch vụ lập phiếu thu, cuối ngày gửi cho kế toán xác nhận và lưu trữ chứng từ kế toán để hạch toán lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ. Dù chưa thu được tiền của khách hàng nhưng công ty vẫn lập phiếu thu và định khoản Nợ TK 131. Được cập nhật lên sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 5113, sổ cái TK 131, sổ cái TK 511.

Ngày 06/02/2023 khách hàng đã thanh toán chuyển khoản theo đúng số tiền trên phiếu thu ngày 17/01/2023, kế toán hạch toán lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ. Được cập nhật lên sổ chi tiết TK 1121, sổ chi tiết TK 131, sổ cái TK 112, sổ cái TK 131.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM		CHỨNG TỪ GIAO DỊCH		Mẫu số: 01GTGT2/3806 Ký hiệu: FX/23T Số hóa đơn: 02060018000010 Ngày giá trị: 06/02/2023 SBT: 10																
AGRIBANK Mạng phân thành đến khách hàng		Ngày: 06/02/2023 Liên 2: Khách hàng																		
Chi nhánh: 3806 - Agribank Chi nhánh huyện Minh Hóa - Bắc Quảng Bình Địa chỉ: Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình		Mã số thuế: 0100686174-722 Điện thoại/Fax: 0232.3572220/0232.35723																		
Người phát lệnh: ADVANCED AQUACULTURE VIET NAM COMPANY LIMITED Chứng minh thư: ## Địa chỉ: KCN Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, Biên Hòa/VIETNAM Khách hàng thụ hưởng: CÔNG TY TNHH GIAI PHAP CHAT LUONG V QB Chứng minh thư: ## Địa chỉ: Agribank Quang Bình CN Minh Hoa NH phát lệnh: 01604001 - NHTNHH MTV STANDARDCHART NH gửi lệnh: 01604003-NH STANDARDCHARTERED VN-Lê NH nhận lệnh: 01204001-NHNo&PTNT Việt Nam NH thanh toán: 44204010 - NHNo&PTNT H.Minh Hóa Bắc Quảng		Mã số thuế: VND90437578701 Điện thoại/Fax: 3806201002714 Số tài khoản: VND90437578701 Mã số thuế: 3806201002714 Số tài khoản: VND90437578701																		
Loại giao dịch: Tạm treo chuyển tiền đến (IL) Số tham chiếu đi: Số tiền giao dịch: 20.460.000 VND Bằng chữ: Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn VND Nội dung: 1 Phí lay mau giam sat chung nhan co so an toan dich ChargeDetails OUR		Số tham chiếu đến: 38061TT23100025																		
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thông tin giao dịch</th> <th>N/C</th> <th>Số tiền</th> <th>LTT</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chuyển tiền đến</td> <td>N</td> <td>20.460.000</td> <td>VND</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Các khoản chờ thanh toán</td> <td>C</td> <td>20.460.000,000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Thông tin giao dịch	N/C	Số tiền	LTT	Ghi chú	Chuyển tiền đến	N	20.460.000	VND		Các khoản chờ thanh toán	C	20.460.000,000						
Thông tin giao dịch	N/C	Số tiền	LTT	Ghi chú																
Chuyển tiền đến	N	20.460.000	VND																	
Các khoản chờ thanh toán	C	20.460.000,000																		
Khách hàng (Ký và ghi rõ họ tên)		Thủ quỹ		Giao dịch viên (Mã GDV: 3806IL)																
				Kiểm soát (Mã KS:)																
				Giám đốc																

Hình 2.2. Chứng từ giao dịch ngày 06/02/22

❖ Minh họa nghiệp vụ 2

Ngày 19/02/2023, công ty xuất bán 1 vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/02/2023 cho Công ty TNHH Thủy Sản Công Nghệ Cao Việt Nam. Công ty lập hóa đơn giá trị gia tăng ở trang web VNPT INVOICE. Giá trị hóa đơn là 1.500.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng thay toán ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ theo Hóa đơn GTGT số 4, nhân viên phòng kinh doanh dịch vụ lập phiếu thu thu tiền của khách hàng. Cuối ngày gửi cho kế toán xác nhận đã thu tiền và lưu trữ chứng từ kế toán để hạch toán lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ, ghi Nợ TK 1111 khi khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt. Được cập nhật lên sổ chi tiết TK 1111, sổ chi tiết TK 5113, sổ cái TK 111, sổ cái TK 511.

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB



Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số : 4

Ngày 19 tháng 02 năm 2023

Nợ 1111:1.500.000

Có 5113:1.363.636; 33311:136.364

Họ, tên người nộp tiền : Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam

Địa chỉ : Biên Hòa - Đồng Nai

Lý do : Vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/2/2023

Số tiền : 1.500.000 đồng

Kèm theo: chứng từ gốc.

Viết bằng chữ : Một triệu, năm trăm nghìn đồng y.

Ngày 19 tháng 02 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Hình 2.4. Phiếu thu theo hóa đơn số 4

❖ Minh họa nghiệp vụ 3

Ngày 23/02/2023, công ty hoàn thành hợp đồng số 15122022/2022/VQBHĐDV ký ngày 15/12/2022 và cấp giấy Đào tạo phòng cháy chữa cháy cho Công ty TNHH Thủy Sản Công Nghệ Cao Việt Nam – Chi nhánh 1 tại Bình Định. Giá trị hóa đơn là 38.000.000 VND, khách hàng chưa thanh toán ngay.

Căn cứ theo Hóa đơn GTGT số 6, cuối ngày kế toán xác nhận và lưu trữ chứng từ kế toán để hạch toán lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ. Dù chưa thu được tiền của khách hàng nhưng công ty vẫn lập phiếu thu nhưng định khoản Nợ TK 131. Được cập nhật lên sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 5113, sổ cái TK 131, sổ cái TK 511.

Ngày 10/03/2023 khách hàng đã thanh toán chuyển khoản theo đúng số tiền trên phiếu thu ngày 23/02/2023 đối chiếu với sổ phụ tài khoản ngân hàng (xem ở phụ lục số 6), kế toán hạch toán phiếu thu lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ, ghi Có TK 131. Được cập nhật lên sổ chi tiết TK 1121, sổ chi tiết TK 131, sổ cái TK 112, sổ cái TK 131.

NGÂN HÀNG NGHIỆP VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Mang phồn thịnh đến khách hàng

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
Ngày: 10/03/2023
Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 01GTGT2/3806
Ký hiệu: FX/23T
Số hóa đơn: 03100018000005
Ngày giá trị: 10/03/2023 SBT: 5

Mã số thuế: 0100686174-722
Điện thoại/Fax: 0232.3572220/0232.35723

Chi nhánh: 3806 - Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình
Địa chỉ: Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình

Người phát lệnh: ADVANCED AQUACULTURE VIET NAM COMPANY LIMITED
Chứng minh thư: ##
Địa chỉ: KCN Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, Biên Hòa/Việt Nam
Khách hàng thụ hưởng: CÔNG TY TNHH GIAI PHAP CHAT LUONG V QB
Chứng minh thư: ##
Địa chỉ: Agribank Quang Bình CN Minh Hoa
NH phát lệnh: 01604001 - NHTNHH MTV STANDARDCHART NH gửi lệnh: 79604001-NH StandardChartered-TPHCM
NH nhận lệnh: 01204001-NHNo&PTNT Việt Nam NH thanh toán: 44204010 - NHNo&PTNT H. Minh Hoá Bắc Quảng
Loại giao dịch: Tạm treo chuyển tiền đến (IL) Số tham chiếu đi: Số tham chiếu đến 3806ITT23100042
Số tiền giao dịch: 38.000.000 VND Bằng chữ: Ba mươi tám triệu VND
Nội dung: 6 Phi dao tạo PCCC nam 2023 ChargeDetails OUR

Thông tin giao dịch	N/C	Số tiền	LTT	Ghi chú
Chuyển tiền đến	N	38.000.000	VND	
Các khoản chờ thanh toán	C	38.000.000,000		

Mẫu số IFX01 theo văn bản số ngày

Khách hàng Thủ quỹ Giao dịch viên Kiểm soát Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên) (Mã GDV: 3806IL) (Mã KS:)

Người in: HMHDLINH Thời gian in: 11/04/2023 10:46:05 Auto IR IL user 1/1

Hình 2.6. Chứng từ giao dịch ngày 10/03/2023

Sau khi hoàn thành hợp đồng hay dịch vụ cho khách hàng chấp nhận thanh toán và chưa thanh toán hay thanh toán ngay, kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dựa theo hóa đơn GTGT số 4, hóa đơn GTGT số 6, phiếu thu tiền để hạch toán doanh thu bán hàng lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ:

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 6, ký hiệu: 1C23TQB nhập liệu vào phần mềm, mở phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ với giao diện:



Hình 2.7. Giao diện phần mềm VIỆT ĐÀ

Trình tự nhập phiếu thu theo hóa đơn GTGT số 6 lên phần mềm VIỆT ĐÀ và các hóa đơn tương tự:

Vào phân hệ *Thu Chi* → chọn *Phiếu thu tiền mặt* → Nhập đầy đủ và đúng các nội dung và số tiền → *Lưu*

Hình 2.8. Giao diện lập phiếu thu tiền theo hóa đơn số 6

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Các khoản phải trả Tìm kiếm chứng từ Tìm kiếm chứng từ TG001/03

Số CT TG001/03 Ngày 10/03/2023 CT gốc Cửa hàng

Đối tượng BINH DINH 1 ^D Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Lý do Thu tiền Phi đảo tạo phòng cháy chữa cháy theo hợp c ^L

Địa chỉ Mỹ An - Phú Mỹ - Bình Định Loại tiền VND Tỷ giá 1

Ngân hàng Số TK Tỉnh/TP ^T

Chi tiết thu chi Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chênh lệch tỷ giá

	Đến giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Kỳ tính lãi
▶ 1	Thu tiền Phi đảo tạo phòng cháy chữa	38.000.000	1121	131								
#2												

Thuế GTGT Copy Phiếu Thêm từ file XML

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Đơn vị	Địa chỉ	Mã số
#1														

Tổng thanh toán 38.000.000 Tổng hóa đơn 0

Lưu Thêm Xóa In Thoát

Hình 2.9. Giao diện lập phiếu thu khi khách hàng đã thanh toán ngày 10/03/2023

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ nhật ký chung kế toán thực hiện thao tác (xem phụ lục số 2,3):

Vào phân hệ *Tổng hợp* → Chọn *Hình thức Nhật ký chung* → Chọn *Ngày ký chung* → Chọn *Xem* để xem Nhật ký chung.

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ chi tiết TK 5113 kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 4):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản* → chọn *5113 (1311)* → *Xem* để xem và in sổ chi tiết TK 5113 (sổ chi tiết TK 1311)

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ cái TK 511 kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 5):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Hình thức nhật ký chung* → chọn *Sổ cái (Theo hình thức NKC)* → chọn *511* → chọn *Xem* để xem và in Sổ cái TK 511

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản: 5113 (Doanh thu cung cấp dịch vụ)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ							
1	1	17/01	Phí lấy mẫu giám sát chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tháng 01/2023 theo hợp đồng số:119/2022/VQB-HĐCN ký ngày 01/07/2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu)		18.600.000		18.600.000
2	2	02/02	Đo mẫu nước, đặc trưng vật liệu (Trường THPT Ninh Châu)		5.000.000		23.600.000
3	4	19/02	Vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/2/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)		1.363.636		24.963.636
4	5	22/02	Phí lấy mẫu giám sát chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tháng 02/2023 theo hợp đồng số:119/2022/VQB-HĐCN ký ngày 01/07/2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu)		18.600.000		43.563.636
5	6	23/02	Phí đào tạo phòng cháy chữa cháy theo hợp đồng số:15122022/2022/VQB-HĐDV ký ngày 15 tháng 12 năm 2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bình Định)		38.000.000		81.563.636
...	...	...	...		...		...
16	20	15/05	Vé máy bay từ Đồng Hới - Hồ Chí Minh ngày 14/05/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)		1.181.818		207.663.634
17	21	23/05	Vé máy bay từ Hồ Chí Minh - Đồng Hới ngày 23/5/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)		1.181.818		208.845.452

...	...	...	...		...	...
73	92	28/12	Đánh giá chứng nhận Tiêu Chuẩn ISO 9001 năm thứ 3 (theo PO số: 4501118831) (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Kiên Giang)		33.300.000	1.709.317.342
74	KC002/12	31/12	K.c doanh thu cung cấp dịch vụ	1.709.317.342		
Cộng lũy kể từ đầu năm				1.709.317.342	1.709.317.342	
Số dư cuối kỳ						

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC)

Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	1	17/01	Phí lấy mẫu giám sát chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tháng 01/2023 theo hợp đồng số:119/2022/VQB-HĐCN ký ngày 01/07/2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu)	131		18.600.000
...	...	...	...	...		...
3	4	19/02	Vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/2/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)	1111		1.363.636
4	5	22/02	Phí lấy mẫu giám sát chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tháng 02/2023 theo hợp đồng số:119/2022/VQB-HĐCN ký ngày 01/07/2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu)	131		18.600.000

5	6	23/02	Phí đào tạo phòng cháy chữa cháy theo hợp đồng số:15122022/2022/VQB-HDDV ký ngày 15 tháng 12 năm 2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bình Định)	131		38.000.000
...	...	...	...	...		...
26	43	20/07	Lấy mẫu giám sát cơ sở an toàn dịch bệnh tháng 7/2023 (PO 4900040524) (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu)	131		18.600.000
27	44	26/07	Vé máy bay từ Đồng Hới - Hồ Chí Minh ngày 26/07/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)	1111		1.203.704
...	...	...	...	...		...
71	88	26/12	Đánh giá chứng nhận Tiêu Chuẩn Global GAP năm thứ 3 (theo PO số: 4501118834) (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Kiên Giang)	131		73.350.000
72	90	26/12	Đánh giá chứng nhận Tiêu Chuẩn ISO 14001 năm thứ 3 (theo PO số: 4501118832) (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Kiên Giang)	131		36.100.000
73	92	28/12	Đánh giá chứng nhận Tiêu Chuẩn ISO 9001 năm thứ 3 (theo PO số: 4501118831) (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Kiên Giang)	131		33.300.000
74	KC002/12	31/12	K.c doanh thu cung cấp dịch vụ	911	1.709.317.342	
			Cộng lũy kể từ đầu năm		1.709.317.342	1.709.317.342
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Trong năm 2023, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu. Nên em xin phép không trình bày kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB ở trong bài.

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Nội dung

Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên doanh thu tài chính chủ yếu từ lãi thu được từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

b. Chứng từ sử dụng

Chứng từ giao dịch (Giấy báo có)

c. Tài khoản sử dụng

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ phụ tài khoản ngân hàng
- Sổ cái TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Sổ chi tiết TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

e. Quy trình ghi sổ

❖ Minh họa nghiệp vụ 1

Ngày 31/01/2023, công ty nhận Chứng từ giao dịch từ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank. Nhận được lãi nhập gốc ở ngân hàng 3.000 VND.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM		CHỨNG TỪ GIAO DỊCH		Mã số thuế: 012/3806 Ký hiệu: GL/23	
 AGRIBANK Mang phồn thịnh đến khách hàng		Ngày: 31/01/2023 Liên 2: Khách hàng		Số chứng từ: 01310016000007065	
Chi nhánh: 3806 - Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình				Ngày giá trị: 31/01/2023	
Địa chỉ: Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình				SGD: 7065 SBT:	
Tên khách hàng: Cty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB				Mã số thuế: 0100686174-722	
Địa chỉ: Thôn Thanh Long Xã Quy Hóa-Huyện Minh Hóa Tỉnh Quảng Bình				Điện thoại/Fax: 0232.3572220/0232.357231	
Mã số khách hàng: 3806301373176				Mã số thuế: 3101021403	
Loại giao dịch: Interest Deposit				Số tài khoản: 3806201002714	
Nội dung:					
Thông tin giao dịch		Số tiền	LTT	Ghi chú	
Số dư tích lũy:		559.227.319	VND		
Lãi nhập gốc:		3.000	VND		
Khách hàng		Thủ quỹ	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)			(Mã GDV: 3806GL)	(Mã KS:)	

Hình 2.10. Chứng từ giao dịch ngày 31/01/2023

Căn cứ giấy báo có ngày 31/01/2023 và sổ phụ tài khoản ngân hàng kế toán viên ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính vào phần mềm kế toán theo trình tự.

Vào phân hệ *Thu Chi* → chọn *Phiếu thu tiền gửi (báo có)* → Nhập đầy đủ và đúng các nội dung và số tiền → *Lưu*

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tìm kiếm chứng từ TG007/01

Số CT TG007/01 Ngày 31/01/2023 CT gốc Cửa hàng

Đợt tính Lãi do Lãi tiền gửi

Địa chỉ Loại tiền VND Tỷ giá 1

Ngân hàng Số TK Tỉnh/TP

Chi tiết thu chi

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chênh lệch tỷ giá

	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Kỳ tính lãi
1	Lãi tiền gửi	3.000	1121	515								
2												

Thuế GTGT

Copy Phiếu

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Đơn vị	Địa chỉ	Mã số thuế	Diễn giải
1														

Tổng thanh toán 3.000 Tổng hóa đơn 0

Lưu Thêm Xóa In Thoát

Hình 2.11. Giao diện lập phiếu thu tiền gửi ngày 31/01/2023

Phần mềm sẽ hiển thị như trên và đồng thời tự động cập nhật dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515 và sổ chi tiết TK 515.

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ nhật ký chung kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 2, 3):

Vào phân hệ *Tổng hợp* → Chọn *Hình thức Nhật ký chung* → Chọn *Nhật ký chung* → Chọn *Xem* để xem Nhật ký chung .

Để mở sổ chi tiết TK 515 - *Doanh thu hoạt động tài chính* kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 4):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản* → chọn *515* → chọn *Xem* để xem và in Sổ chi tiết TK 515

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC)

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ							
1	TG007/01	31/01	Lãi tiền gửi		3.000		3.000
2	TG002/02	28/02	Lãi tiền gửi		1.000		4.000
3	TG003/03	31/03	Lãi tiền gửi		3.000		7.000
4	TG002/04	28/04	Lãi tiền gửi		3.000		10.000
5	TG003/05	31/05	Lãi tiền gửi		4.000		14.000
6	TG006/06	30/06	Lãi tiền gửi		2.000		16.000
7	TG004/07	31/07	Lãi tiền gửi		5.000		21.000
8	TG004/08	31/08	Lãi tiền gửi		3.000		24.000
9	TG004/09	30/09	Lãi tiền gửi		7.000		31.000
10	TG006/10	31/10	Lãi tiền gửi		2.000		33.000
11	TG008/11	30/11	Lãi tiền gửi		4.000		37.000
12	TG011/12	31/12	Lãi tiền gửi		7.000		44.000
13	KC003/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	44.000			
Cộng lũy kế từ đầu năm				44.000	44.000		
Số dư cuối kỳ							

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ cái TK 515 kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 5):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Hình thức nhật ký chung* → chọn *Sổ cái* (Theo hình thức *NKC*) → chọn *515* → chọn *Xem* để xem và in Sổ cái TK 515

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	TG007/01	31/01	Lãi tiền gửi	1121		3.000
2	TG002/02	28/02	Lãi tiền gửi	1121		1.000
3	TG003/03	31/03	Lãi tiền gửi	1121		3.000
4	TG002/04	28/04	Lãi tiền gửi	1121		3.000
5	TG003/05	31/05	Lãi tiền gửi	1121		4.000
6	TG006/06	30/06	Lãi tiền gửi	1121		2.000
7	TG004/07	31/07	Lãi tiền gửi	1121		5.000
8	TG004/08	31/08	Lãi tiền gửi	1121		3.000
9	TG004/09	30/09	Lãi tiền gửi	1121		7.000
10	TG006/10	31/10	Lãi tiền gửi	1121		2.000
11	TG008/11	30/11	Lãi tiền gửi	1121		4.000
12	TG011/12	31/12	Lãi tiền gửi	1121		7.000
13	KC003/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	44.000	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		44.000	44.000
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Trong năm 2023, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác. Nên em xin phép không trình bày kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB ở trong bài.

2.3. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Nội dung

Công ty không theo dõi giá vốn mà hạch toán luôn vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Công ty không xác định được cụ thể chi phí nhân công cho việc kiểm

định, đánh giá vì chi phí chủ yếu là chi phí nhân công mà lương của nhân viên được tính theo ngày công, kế toán của công ty không xác định được cụ thể chi phí nhân công cho việc kiểm định, đánh giá nên đưa thẳng vào TK 6422 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*.

b. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn mua hàng; Phiếu kết chuyển

c. Tài khoản sử dụng

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Sổ cái TK 632: Giá vốn hàng bán
- Sổ chi tiết TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Sổ chi tiết TK 632: Giá vốn hàng bán

e. Quy trình ghi sổ

❖ Minh họa nghiệp vụ

Ngày 13/01/2023, công ty nhận Hóa đơn giá trị gia tăng của Chi nhánh Công ty TNHH Intertek Vietnam Tại Thành Phố Hồ Chí Minh tên hàng hóa dịch vụ là Phí đánh giá (Audit fee). Giá trị hóa đơn là 41.800.000 VND, công ty chưa thanh toán ngay.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23THM

Số (No.): 1379

MCCQT: 006B438B18D9BF481DBCFAFC45160E8FE0

Đơn vị bán hàng (Seller): **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ (Address): Tầng 5, 6, 7, Sảnh D, Tòa nhà S.O.H.O Biz, Số 38 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax Code): 0100773892-001

Điện thoại (Tel): (84-28) 7305 1088 Fax: (84-28) 6297 1097

Khách hàng (Client's name): Công ty TNHH Giải pháp chất lượng VQB
Địa chỉ (Address): Thôn 1 Thanh Long, Thị trấn Quy Đạt, Huyện Minh Hóa, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 3101021403
Người nhận (Attention):
Hình thức TT (Payment method): CK(TT)

Hoá đơn ngày (Invoice date)	Ngày thực hiện dịch vụ (Date of Services)	Thời hạn TT (Payment term)	Ngày đến hạn (Due date)	Báo cáo số (Report number)	
13/01/2023	28/12/2022	PAY_IN_ADVANCE		FS-VNM- 22 - 12/GG	
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
	Nơi đánh giá: Công ty TNHH Thủy Sản Công Nghệ Cao Việt Nam - Chi nhánh 2 tại Ninh Thuận Ninh Thuận - Việt Nam Đánh giá về: GG Nội dung: Phí đánh giá Tham chiếu (Ref No): FS-VNM- 22 - 12/GG				
1	Phí đánh giá (Audit fee)		1	38.000.000	38.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					38.000.000 VND
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		3.800.000 VND
Tổng cộng tiền thanh toán (Total):					41.800.000 VND
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng.					

Đề nghị chuyển tiền vào tài khoản (Payment should be made to):

INTERTEK VIETNAM LIMITED

Số tài khoản (Account number):

VND: 001-023282-101 ; USD: 001-023282-001

Tên ngân hàng (Bank name):

HSBC BANK (VN) LTD.

Địa chỉ (Bank address):

The Metropolitan, 235 Dong Khoi Str., Dist 1, HCMC, VN

Swift Code:HSBCVNVX

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
54 01 01 08 09 2C 65 6D 83 F8 B4 CB 12 47 98 1A
Ngày ký: 2023-01-13T11:40:28

TỔNG CỤC THUẾ

75 58 09 55 FC 81 D6 A7

Ngày ký: 2023-01-13T11:40:42

Mô cơ quan thuế (Code): 006B438B18D9BF481DBCFAFC45160E8FE0 - tra cứu tại website (research at): <http://tracuu.vnathoadon.vn/>

Hình 2.12. Hóa đơn GTGT mua vào ngày 13/01/2023

Căn cứ theo Hóa đơn GTGT số 1379, cuối ngày kế toán xác nhận và lưu trữ chứng từ kế toán để hạch toán lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ. Dù chưa chi tiền nhưng công ty vẫn lập phiếu chi nhưng định khoản Có TK 331. Được cập nhật lên sổ chi tiết TK 331, sổ chi tiết TK 154, sổ cái TK 131, sổ cái TK 154.

Trình tự nhập phiếu chi theo hóa đơn GTGT số 1379 lên phần mềm VIỆT ĐÀ và các hóa đơn tương tự:

Vào phân hệ *Thu Chi* → chọn *Phiếu chi tiền mặt* → Nhập đầy đủ và đúng các nội dung và số tiền → *Lưu*

Chi thu chi

	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Kỳ tính lãi
1	Phí đánh giá	38.000.000	154	331								
2												

Thuế GTGT

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Đơn vị	Địa chỉ	Mã số thuế	Diễn giải
1	13/01/2023			1379	TH	10	38.000.000	3.800.000	1331	331	Công ty TNHH thủy sản cổ...	An Hải - Ninh Phước - Ninh...	0317069324-009	Phí đánh
2														

Tổng thanh toán: 0 Tổng hóa đơn: 0

Buttons: Lưu, Thêm, Xóa, In, Thoát

Hình 2.13. Giao diện lập phiếu chi tiền theo hóa đơn số 1379

Nếu công ty đã thanh toán cho đơn vị cung cấp, thanh toán chuyển khoản theo đúng số tiền trên phiếu chi, kế toán hạch toán phiếu thu lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ, ghi Nợ TK 331.

Trình tự nhập phiếu chi theo hóa đơn khi đã thanh toán cho nhà cung cấp lên phần mềm VIỆT ĐÀ:

Vào phân hệ *Thu Chi* → chọn *Phiếu chi tiền gửi (báo có)* → Nhập đầy đủ và đúng các nội dung và số tiền → *Lưu*

Sau khi hạch toán các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dựa trên Hóa đơn GTGT như chi mua nguyên vật liệu, phí đánh giá, xăng dầu, dịch vụ sửa xe, cước chuyển phát nhanh,... vào sổ. Đồng thời được cập nhật trên sổ nhật ký chung và sổ cái TK 154, sổ chi tiết TK 154.

Cuối năm sẽ kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào giá vốn (xem ở phụ lục số 7) được cập nhật trên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ chi tiết TK 632.

Vào *Tổng hợp* → chọn *Kết chuyển, khóa sổ/mở sổ* → chọn *Thực hiện kết chuyển/mở sổ* → chọn *Kết chuyển*

Hình 2.14. Giao diện lập phiếu kết chuyển TK 154 vào TK 632

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT.Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số : TH004/12

Họ và tên : _____
Địa chỉ : _____
Lý do : Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn

Số TT	Diễn giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi Có
1	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn	825.784.530	632	154
	Tổng cộng	825.784.530		

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Hình 2.15. Phiếu kế toán khác (kết chuyển) từ 154 vào 632

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ nhật ký chung kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 2, 3):

Vào phân hệ *Tổng hợp* → Chọn *Hình thức Nhật ký chung* → Chọn *Nhật ký chung* → Chọn *Xem* để xem Nhật ký chung .

Để mở sổ chi tiết TK 154 và sổ chi tiết TK 632 thực hiện thao tác sau (xem phụ lục số 4):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản* → chọn *154 (632)* → *Xem* để xem và in Sổ chi tiết TK 154 (sổ chi tiết TK 632)

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quý Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản: 154 (Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ							
1	CM006/01	08/01	Chi mua nguyên vật liệu làm vườn. (Đình Tuấn Mỹ)	26.930.000		26.930.000	
2	1379	13/01	Phí đánh giá (Chi nhánh công ty TNHH INTERTEK Việt nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh)	38.000.000		64.930.000	
3	CM020/01	27/01	Chi phí mua nguyên vật liệu (Bùi Thị Thục Anh)	2.000.000		66.930.000	
...	...	...	...	...		...	
33	CM043/06	26/06	Vật liệu các loại (Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp vật liệu xây dựng Toàn Phát)	114.334.546		809.855.721	
...	...	...	...	...		...	
47	38	28/12	Tôn mạ màu (Công ty TNHH TM và DV Điện Hương)	136.382.000		1.533.689.664	
48	TH004/12	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn		825.784.530	707.905.134	
Cộng lũy kế từ đầu năm				1.533.689.664	825.784.530		
Số dư cuối kỳ						707.905.134	

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC)
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ							
1	TH002/03	31/03	Phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	3.795.130		3.795.130	
2	TH004/12	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn	825.784.530		825.579.660	
3	KC004/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán		829.579.660		
Cộng lũy kế từ đầu năm				829.579.660	829.579.660		
Số dư cuối kỳ							

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để mở sổ cái TK 154 và sổ cái TK 632 thực hiện thao tác sau (xem phụ lục số 5):

Vào Tổng hợp → chọn Hình thức nhật ký chung → chọn Sổ cái (Theo hình thức NKC) → chọn 154 (632) → chọn Xem để xem và in Sổ cái TK 154 (Sổ cái TK632).

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC)
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 154 (Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CM006/01	08/01	Chi mua nguyên vật liệu làm vườn. (Đình Tuấn Mỹ)	1111	26.930.000	
2	1379	13/01	Phí đánh giá (Chi nhánh công ty TNHH INTERTEK Việt nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh)	331	38.000.000	

3	CM020/01	27/01	Chi phí mua nguyên vật liệu (Bùi Thị Thục Anh)	1111	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	
15	CM006/04	26/04	Phí đánh giá năm thứ 2 (Chi nhánh công ty TNHH INTERTEK Việt nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh)	331	41.000.000	
...	...	...	...	...	...	
33	CM043/06	26/06	Vật liệu các loại (Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp vật liệu xây dựng Toàn Phát)	331	114.334.546	
...	...	...	...	...	...	
47	38	28/12	Tôn mạ màu (Công ty TNHH TM và DV Điện Hương)	331	136.382.000	
48	TH004/12	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn	632		825.784.530
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.533.689.664	825.784.530
Số dư cuối kỳ				x	707.905.134	

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	TH002/03	31/03	Phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	1331	3.795.130	
2	TH004/12	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn	154	825.784.530	
3	KC004/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	911		829.579.660
			Cộng lũy kế từ đầu năm		829.579.660	829.579.660
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số 7: Sổ cái TK 632

2.3.2. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Trong năm 2023, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính. Nên em xin phép không trình bày về phần kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB ở trong bài.

2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty bao gồm:

- Chi phí ghi nhận khi phát sinh khoản chi phí vận chuyển cho khách hàng. Công ty thuê các dịch vụ vận chuyển giấy tờ đến địa điểm nhận của khách hàng, chi phí vận chuyển do công ty chịu.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi có các chi phí phát sinh như chi phí lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, chi phí công cụ dụng cụ phân bổ theo tháng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài như xăng, điện, văn phòng phẩm,...

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng tính và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN
- Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Phiếu chi
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Phiếu kết chuyển

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Sổ chi tiết TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

e. Quy trình ghi sổ

❖ Minh họa nghiệp vụ 1

Ngày 03/01/2023, công ty nhận được hóa đơn GTGT thanh toán tiền mua xăng E5 RON 92 từ Công ty TNHH Xăng Dầu Quảng Bình, giá trị hóa đơn là 1.750.000 VND.

CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: 118 Đường Hữu Nghị - P. Nam Lý - TP. Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình - Việt Nam

Cửa hàng số: Petrolimex - Cửa hàng 43

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công Ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Địa chỉ: Thôn 1 Thanh Long - Quy Hóa - Minh Hóa - QB

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 08:44

Mã số thuế: 3100105749

Biển số xe:

Mã số thuế: 3101021403

Phương thức thanh toán: Tiền mặt

Ký hiệu: 1K23TQN

Số: **2275**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.	Xăng E5 RON 92-II	Lít	81,620	19.490,91	1.590.909
Cộng tiền hàng:					1.590.909
Tiền thuế GTGT (10%)					159.091
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					1.750.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

Ký ngày: 03/01/2023

Mã tra cứu: XA654YUYD* Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) MST: 01 06869738 - Tel: 18001260

Hình 2.16. Hóa đơn GTGT số 2275

Căn cứ theo Hóa đơn GTGT số 2275, nhân viên phòng kinh doanh dịch vụ lập phiếu chi. Cuối ngày gửi cho kế toán xác nhận đã thu tiền và lưu trữ chứng từ kế toán để hạch toán lên phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ.

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

PHIẾU CHI

Số : 2275

Ngày 03 tháng 01 năm 2023

Nợ 6422:1.590.909; 1331:159.091

Có 1111:1.750.000

Họ, tên người nhận tiền : Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình

Địa chỉ : Phường Nam Lý - TP Đồng Hới - Quảng Bình

Lý do : Thanh toán tiền xăng xe

Số tiền : 1.750.000 đồng Kèm theo: chứng từ gốc.

Viết bằng chữ : Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng y.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :
+ Số tiền quy đổi :
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.17. Hình phiếu chi theo hóa đơn GTGT số 2275

❖ Minh họa nghiệp vụ 2

Ngày 19/04/2023, công ty nhận được hóa đơn GTGT thanh toán tiền mua Vé máy bay Đồng Hới - Sài Gòn và các khoản phụ phí khác từ Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Du Lịch Quang Minh, giá trị hóa đơn là 5.413.000 VND.

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Series): 1C23TQM

Ngày (date) 19 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Số (No.): 00000187

Mã của cơ quan thuế: 00AE9A0B80709542FFACC6AFDA9FB53C83

Tên đơn vị bán hàng (ComName): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH QUANG MINH
 Mã số thuế (Tax code): 3100981129
 Địa chỉ (Address): 17 Thanh Niên, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
 Số điện thoại (Tel): 02323843340
 Số tài khoản (BankNo): 0311000691569
 Ngân hàng (BankName): Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình

Họ tên người mua hàng (Buyer):
 Tên đơn vị mua hàng (CusName): CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB
 Mã số thuế (Tax code): 3101021403
 Địa chỉ (Address): Thôn 1 Thanh Long, Thị trấn Quy Đạt, Huyện Minh Hóa, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
 Số tài khoản (AC No): 3806201002714 Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK
 Ngân hàng (BankName): Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Total)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Thành tiền sau thuế (Amount)
1	Vé máy bay Đồng Hới - Sài Gòn	Vé	2	1.789.000	3.578.000	10%	358.000	3.936.000
2	Vé máy bay Đồng Hới - Sài Gòn	Vé	1	179.000	179.000	10%	18.000	197.000
3	Phí khác				818.182	10%	81.818	900.000
4	Các khoản Hưởng hàng không thu hộ khác				200.000	KCT	0	200.000
5	Phí đại lý				163.636	10%	16.364	180.000
Tổng tiền hàng (Total):								4.938.818
Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):								474.182
Tổng tiền thanh toán (Total Amount):								5.413.000

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Năm triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)

Cơ quan thuế

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI
CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
 Ký ngày: 19/04/2023 15:36:45

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH QUANG MINH
 Ký ngày: 19/04/2023 15:36:15

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://3100981129-tt78.vnpt-invoice.com.vn>

Mã tra cứu: 144531002C23TQM187243203

<https://3100981129-tt78.vnpt-invoice.com.vn/HomeNoLogin/SearchByFkey#>

Hình 2.18. Hóa đơn GTGT số 00000187

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số : 00000187

Ngày 19 tháng 04 năm 2023

Nợ 6422: 4.938.818; 1331: 474.182

Có 1111: 5.413.000

Họ, tên người nhận tiền : Công ty TNHH TM và DV du lịch Quang Minh
Địa chỉ : Đồng Hải - Đồng Hới - Quảng Bình
Lý do : Vé máy bay
Số tiền : 5.413.000 đồng Kèm theo: chứng từ gốc.
Viết bằng chữ : Năm triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng y.

Ngày 19 tháng 04 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :
+ Số tiền quy đổi :
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.19. Hình phiếu phi theo hóa đơn GTGT số 00000187

Căn cứ vào hóa đơn GTGT ngày 03/01/2023 và hóa đơn GTGT ngày 19/04/2023 kế toán lập phiếu chi hạch toán lên phần mềm kế toán theo trình tự:

Vào phân hệ *Thu Chi* → chọn *Phiếu chi tiền mặt* → Nhập đầy đủ và đúng các nội dung và số tiền → *Lưu*

Sau khi chọn “Lưu” phần mềm sẽ hiển thị như giao diện và đồng thời tự động cập nhập dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết các tài khoản TK 6422, sổ cái TK 642.

❖ Minh họa nghiệp vụ 3

Đến ngày cuối mỗi tháng, kế toán lập bảng tính và thanh toán tiền lương ở trên phần mềm EXCEL dựa trên bảng chấm công hằng ngày của nhân viên trong tháng.

Dựa vào bảng chấm công xác định được “số ngày công làm việc của từng nhân viên và được ký duyệt” kế toán tiến hành tính lương và bảng tính – trích nộp BHXH, BHYT, BHTN trên phần mềm EXCEL.

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB							
Mã số thuế: 3101021403							
BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 8 NĂM 2023							
							DVT: đồng
TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương đóng BHXH	Trừ BHXH, YT, TN 21,5%	Trừ BHXH, YT, TN 10,5%	Thực nhận	Ký nhận
1	Cao Thị Ánh Nguyệt	Văn phòng	3.500.000	752.500	367.500	3.132.500	
2	Đinh Thị Thu Quý	Nhân viên	3.500.000	752.500	367.500	3.132.500	
3	Nguyễn Văn Tâm	Nhân viên	5.000.000	1.075.000	525.000	4.475.000	
Cộng			12.000.000	2.580.000	1.260.000	10.740.000	
Bảng chữ: Bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm đồng chẵn./.							

Hình 2.20. Bảng thanh toán lương tháng 8 năm 2023

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB												
Mã số thuế: 3101021403												
BẢNG TÍNH - TRÍCH NỘP BHXH, BHYT, BHTN THÁNG 8 NĂM 2023												
												DVT: đồng
TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương đóng BHXH	BHXH (25,5%)		BHYT (4,5%)		BHTN (2%)		Tổng cộng		Ký nhận
				DN	Người lao động	DN	Người lao động	DN	Người lao động	DN	Người lao động	
				17,5%	8,0%	3,0%	1,5%	1,0%	1,0%	21,5%	10,5%	
1	Cao Thị Ánh Nguyệt	Văn phòng	3.500.000	612.500	280.000	105.000	52.500	35.000	35.000	752.500	367.500	
2	Đinh Thị Thu Quý	Nhân viên	3.500.000	612.500	280.000	105.000	52.500	35.000	35.000	752.500	367.500	
3	Nguyễn Văn Tâm	Nhân viên	5.000.000	875.000	400.000	150.000	75.000	50.000	50.000	1.075.000	525.000	
Cộng			12.000.000	2.100.000	960.000	360.000	180.000	120.000	120.000	2.580.000	1.260.000	
Bảng chữ: Bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm đồng chẵn./.												

Hình 2.21. Bảng tính – trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 8 năm 2023



BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH QUẢNG BÌNH
BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN MINH HÓA

Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 505/QĐ-BHXH
ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam)

CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Tháng 08 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Giải pháp chất lượng VQB
Địa chỉ: Thôn 1 Thanh Long - Quy Hóa - Minh Hóa - Quảng Bình
Mã đơn vị: TB0041B Điện thoại: 0912589266

Bảo hiểm xã hội huyện Minh Hóa thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN của đơn vị như sau:

STT	NỘI DUNG	BHXH		BHYT	BHTN	BHTNLĐ, BNN	CỘNG
		ÔĐ, TS	HTTT				
A	Kỳ trước mang sang	85	620				705
1	Số lao động	2	2	2	2	2	
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu	85	620				705
3	Thiếu lãi						
B	Phát sinh trong kỳ	360,000	2,640,000	540,000	240,000	60,000	3,840,000
1	Số lao động						
1.1	Tăng	1	1	1		1	
1.2	Giảm						
2	Quy lương	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	
2.1	Tăng	5,000,000	5,000,000	5,000,000	5,000,000	5,000,000	
2.2	Giảm						
3	Phải đóng	360,000	2,640,000	540,000	240,000	60,000	3,840,000
3.1	Tăng	150,000	1,100,000	225,000	100,000	25,000	1,600,000
3.2	Giảm						
4	Điều chỉnh phải đóng kỳ trước						
4.1	Tăng						
	Trong đó: năm trước						
4.2	Giảm						
	Trong đó: năm trước						
4.3	Điều chỉnh						
5	Lãi						
5.1	Số tiền tính lãi						
5.2	Tỷ lệ tính lãi	0.6984	0.6984	1.6016	0.6984	0.6984	
5.3	Tổng tiền lãi						
C	Số tiền đã nộp trong kỳ						3,840,000
1	+ UNC số 62753, Ngày 31/08/2023						3,840,000
D	Phân bổ tiền đóng	360,000	2,640,000	540,000	240,000	60,000	3,840,000
1	Phải đóng	360,000	2,640,000	540,000	240,000	60,000	3,840,000
2	Tiền lãi						

Đ	Chuyển kỳ sau	85	620				705
1	Số lao động	3	3	3	3	3	
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu	85	620				705
3	Thiếu lần						

- a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 07/2023
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHTN bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 08/2023
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLĐ, BNN bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 08/2023
d) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 08/2023
đ) Tổng số nộp thiếu là 705 đồng, đề nghị đơn vị nộp vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH trước ngày 01/10/2023
- Số tài khoản 3743.0.9016434.92008, tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam, CN Minh Hoá - Quảng Bình;
- Số tài khoản 3806202946035, tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, CN Huyện Minh Hoá.
e) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất đề nghị đến cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Minh Hóa để kiểm tra điều chỉnh trước ngày 01/10/2023. Quá thời hạn trên nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Minh Hóa, ngày 01 tháng 09 năm 2023
GIÁM ĐỐC BHXH HUYỆN MINH HÓA



Đinh Hữu Nam



Hình 2.22. Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ 8/2023

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB

Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Số : TH001/08

Họ và tên : _____

Địa chỉ : _____

Lý do : Tính lương phải trả

SỐ TT	Diễn giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi Có
1	Tính lương phải trả	12.000.000	6422	334
	Tổng cộng	12.000.000		

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Hình 2.23. Phiếu kế toán khác – Lương phải trả tháng 8/2023

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Số : CM076/08

Nợ 334:10.740.000

Có 1111:10.740.000

Họ, tên người nhận tiền : Cao Thị Ánh Nguyệt

Địa chỉ : Công ty TNHH Giải pháp chất lượng VQB

Lý do : Thanh toán tiền lương

Số tiền : 10.740.000 đồng Kèm theo: _____ chứng từ gốc.

Viết bằng chữ : Mười triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng y.

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : _____

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) : _____

+ Số tiền quy đổi : _____

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.24. Phiếu chi – thanh toán lương tháng 8/2023

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB

Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Số : TH002/08

Họ và tên : _____

Địa chỉ : _____

Lý do : Tính BHXH, BHYT, TN

Số TT	Diễn giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi Có
1	Tính BHXH, BHYT, TN	2.580.000	6422	3383
2	Tính BHXH, BHYT, TN	1.260.000	334	3383
	Tổng cộng	3.840.000		

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Hình 2.25. Phiếu kế toán khác – Tính BHXH, BHYT, TN tháng 8/2023

Trình tự nhập liệu Phiếu kế toán khác – Lương phải trả tháng 8/2023 và Phiếu kế toán khác – Tính BHXH, BHYT, TN tháng 8/2023

Vào phân hệ *Tổng hợp* → Chọn *Chứng từ kế toán khác* → Nhập đúng số tiền, đúng nội dung và đúng tài khoản → *Lưu* .

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language
 Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+

Chứng từ kế toán khác F1

1
 Tìm kiếm chứng từ
 Kết chuyển, khóa sổ/mở sổ
 Sổ chi tiết tài khoản
 Tập hợp chứng từ phát sinh
 Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh
 Báo cáo tổng hợp các công trình
 Hình thức Chứng từ ghi sổ
 Hình thức Nhật ký chung
 Báo cáo tài chính
 Báo cáo thuế
 Xuất báo cáo sang XML

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VIETDA ACCOUNTING .NET

Tên sản phẩm : KTXL - Full
Số phiên bản : 21.0727

Cty Phần Mềm Việt Đà cung ứng Hóa đơn điện tử
và hỗ trợ tích hợp với tất cả các nhà cung cấp hóa đơn.

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở : 59 Nguyễn Quyền - P. Hòa An - Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng - Việt Nam
Điện thoại : (0236) 3 726 926 - 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778
VP Nghệ An: (0238) 3 846 946 - 0857 55 57 59 - 0845 57 58 59 - 0964 710406
Email: vietda.cs@h@gmail.com Website: www.vietda.com.vn

VIỆT ĐÀ

Thoát (ESC)

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language
 Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tìm kiếm chứng từ CM076/08 Tìm kiếm chứng từ TH001/08

Số CT TH001/08 Ngày 31/08/2023 CT gốc

Đổi hướng D Lý do Tính lương phải trả L

Địa chỉ VND Tỷ giá 1

Chi tiết phát sinh Copy chứng từ

	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	Khách Nợ	TK Có	Khách Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng
▶ 1	Tính lương phải trả	12.000.000	6422		334						
* 2											

Thuế GTGT

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Thuế suất	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc
* 1															

Tổng hạch toán 12.000.000 Tổng hóa đơn 0

2
 Lưu Thêm Xóa In Thoát

Hình 2.26. Giao diện lập phiếu kế toán khác – Lương phải trả tháng 8/2023

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tìm kiếm chứng từ CM076/08 Tìm kiếm chứng từ TH002/08

Số CT TH002/08 Ngày 31/08/2023 CT gốc

Đối tượng Lý do Tỉnh BHXH, BHYT, TN

Địa chỉ Loại tiền VND Tỷ giá 1

Chi tiết phát sinh

	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	Khách Nợ	TK Có	Khách Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng
▶ 1	Tỉnh BHXH, BHYT, TN	2.580.000	6422		3383						
2	Tỉnh BHXH, BHYT, TN	1.260.000	334		3383						
* 3											

Thuế GTGT

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Thuế suất	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc
* 1															

Tổng hạch toán 3.840.000 Tổng hóa đơn 0

2 Lưu Thêm Xóa In Thoát

Hình 2.27. Giao diện lập phiếu kế toán khác – Tỉnh BHXH, BHYT, TN 8/2023

Sau khi nhập xong và kiểm tra chính xác số liệu và nhấn chọn “Lưu”. Phần mềm sẽ hiển thị như trên và đồng thời tự động cập nhập dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết các tài khoản TK 642 và sổ cái TK 642.

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhập lên Sổ nhật ký chung kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 2, 3):

Vào phân hệ *Tổng hợp* → Chọn *Hình thức Nhật ký chung* → Chọn *Ngày ký chung* → Chọn *Xem* để xem Nhật ký chung .

Để mở sổ chi tiết TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp* thực hiện thao tác sau (xem ở phụ lục số 4):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản* → chọn 6422 → *Xem* để xem và in Sổ chi tiết TK 6422

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC)

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản: 6422 (Chi phí quản lý doanh nghiệp)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ							
1	2275	03/01	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1.590.909		1.590.909	
...	...	...	...	...		...	
74	00000187	19/04	Vé máy bay (Công ty TNHH TM và DV du lịch Quang Minh)	4.938.818		167.760.776	
75	CG006/04	20/04	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 4	55.000		167.815.776	
...	...	...	...	...	...		...
242	TH001/08	31/08	Tính lương phải trả	12.000.000		489.446.373	
243	TH002/08	31/08	Tính BHXH, BHYT, TN	2.580.000		492.026.373	
...	...	...	...	...	...		...
401	KC001/12	31/12	K.c các khoản phải trả nhà nước khác	2.000.000		924.859.436	
402	KC005/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp		924.859.436		
Cộng lũy kể từ đầu năm				924.859.436	924.859.436		
Số dư cuối kỳ							

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để mở sổ cái TK 642 – *Chi phí quản lý kinh doanh đang thực hiện thao tác sau (xem ở phụ lục số 5):*

Vào Tổng hợp → chọn Hình thức nhật ký chung → chọn Sổ cái (Theo hình thức NKC) → chọn 642 → chọn Xem để xem và in Sổ cái TK 642.

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 642 (Chi phí quản lý kinh doanh)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	2275	03/01	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1111	1.590.909	
2	CG009/01	04/01	Thanh toán tiền đặt lịch tết (NGUYEN DUONG QUOC)	1121	1.411.000	
...	...	...	...	...	...	
74	00000187	19/04	Vé máy bay (Công ty TNHH TM và DV du lịch Quang Minh)	1111	4.938.818	
75	CG006/04	20/04	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 4	1121	55.000	
...	...	...	...	...	...	
242	TH001/08	31/08	Tính lương phải trả	334	12.000.000	
243	TH002/08	31/08	Tính BHXH, BHYT, TN	3383	2.580.000	
...	...	...	...	...	...	
368	429112	03/12	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1111	909.091	
401	KC001/12	31/12	K.c các khoản phải trả nhà nước khác	33382	2.000.000	
402	KC005/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		924.859.436
			Cộng lũy kế từ đầu năm		924.859.436	924.859.436
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.4. Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Nội dung

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Các khoản chi phí khác phát sinh trong doanh nghiệp:

- Chi phí nghiệp vụ tài chính như khoản tiền phạt như phạt chậm nộp thuế
- Điều chỉnh công nợ

b. Chứng từ sử dụng

- Biên bản nộp phạt
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Phiếu chi

c. Tài khoản sử dụng

- TK 811 “Chi phí khác”

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 811: Chi phí khác
- Sổ chi tiết TK 811: Chi phí khác

e. Quy trình ghi sổ

❖ Minh họa nghiệp vụ 1

Ngày 07/09/2023, công ty nhận được thông báo số 6500075612130001 với nội dung: Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí), số tiền 1.269.935 VND.



Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚCTiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....**Mẫu số C1- 02/NS**

(Ban hành kèm theo Thông tư số

84/2016/TT-BTC

của Bộ Tài chính)

Mã hiệu: QBI132223

Số: 7396302

Số tham chiếu: 11220230220528377

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQBMã số thuế: 3101021403Địa chỉ: Thôn 1 Thanh Long, Thị trấn Quy ĐạtQuận/Huyện: Huyện Minh HóaTỉnh, TP: Quảng Bình

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Namtrích TK số: 3806201002714

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒TK tạm thu ☐TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐Vào tài Khoản KBNN: KBNN Minh Hoá - Quảng BìnhTỉnh, TP: Tỉnh Quảng BìnhMở tại NH ủy nhiệm thu: Agribank Huyện Minh Hoá

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐Thanh tra tài chính ☐Thanh tra Chính phủ ☐Cơ quan có thẩm quyền khác ☐Cơ quan quản lý thu: Huyện Minh Hóa - Chi cục Thuế khu vực Tuyên Hóa - Minh Hóa

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	6500075612110001	07/09/2023	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí).		12,000,000	755	1701
2	6500075612130001	07/09/2023	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động		1,269,935	755	4918

21:38 05/04/2024

Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

			thăm dò, khai thác dầu khí).				
Tổng tiền					13,269,935		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MƯỜI BA TRIỆU HAI TRĂM SÁU MƯƠI CHÍN NGHÌN CHÍN TRĂM BA MƯƠI LĂM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB
✓ Ngày ký :	04/12/2023 16:02:22

✓ Người ký :	Tổng cục Thuế
✓ Ngày ký :	04/12/2023 16:02:16

✓ Người ký :	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
✓ Ngày ký :	04/12/2023 16:02:47

Quay lại

In GNT

https://thuedientu.gdt.gov.vn/etaxnnt/Request?&dse_sessionId=ayAYVXZqPc-jLDXss3yQM1G&dse_applicationId=-1&dse_pageId=6&dse_operation...

2/2

Hình 2.28. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 7396302

❖ Minh họa nghiệp vụ 2

Ngày 07/09/2023, công ty nhận được thông báo số 6500075612120001 với nội dung: Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của cơ quan thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân), số tiền 12.998.056 VND.

Cùng ngày, công ty nhận được thông báo số 6500075612140001 với nội dung: Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại, với số tiền 1.301.070 VND.

Tổng số tiền là 14.299.126 VND.

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: QBI132223
Số: 7396403

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230220528508

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB Mã số thuế: 3101021403
Địa chỉ: Thôn 1 Thanh Long, Thị trấn Quy Đạt
Quận/Huyện: Huyện Minh Hóa Tỉnh, TP: Quảng Bình
Người nộp thay:
Địa chỉ:
Quận/Huyện: Tỉnh, TP:
Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trích TK số: 3806201002714
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
Vào tài Khoản KBNN: KBNN Minh Hoá - Quảng Bình Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Bình
Mở tại NH ủy nhiệm thu: Agribank Huyện Minh Hoá
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
Cơ quan quản lý thu: Huyện Minh Hóa - Chi cục Thuế khu vực Tuyên Hóa - Minh Hóa

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	6500075612120001	07/09/2023	Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của cơ quan thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân).		12,998,056	755	4254
2	6500075612140001	07/09/2023	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ		1,301,070	755	4931

22:31 02/04/2024

Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

			hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại.				
Tổng tiền					14,299,126		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MƯỜI BỐN TRIỆU HAI TRĂM CHÍN MƯƠI CHÍN NGHÌN MỘT TRĂM HAI MƯƠI SÁU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

 Người ký : Ngày ký :	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB 04/12/2023 16:04:02
 Người ký : Ngày ký :	Tổng cục Thuế 04/12/2023 16:03:37
 Người ký : Ngày ký :	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 04/12/2023 16:04:07

Quay lại

In GNT

https://thuendienst.gdt.gov.vn/etaxnnt/Request?&dse_sessionId=AHyQHFOZP1y61wYKe1Om-Hh&dse_applicationId=-1&dse_pageId=6&dse_operatio... 2/2

Hình 2.29. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 7396403

Sau khi nộp xong các khoản vào ngân sách sách nhà nước vào ngày 04/12/2023 dựa vào giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước kế toán tiến hành hạch toán lên phần mềm VIỆT ĐÀ.

Trình tự nhập Phiếu chi tiền gửi (báo nợ) theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 7396403 lên phần mềm VIỆT ĐÀ và số 7396402 cũng tương tự:

Vào phân hệ *Thu Chi* → chọn *Phiếu chi tiền gửi (báo nợ)* → Nhập đầy đủ và đúng các nội dung và số tiền → *Lưu*

Hình 2.30. Giao diện lập Phiếu chi tiền gửi (báo nợ) tiền mặt

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ nhật ký chung kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 2, 3):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Hình thức nhật ký chung* → chọn *Nhật ký chung* → chọn *Xem* để xem và in Nhật ký chung

Để mở sổ chi tiết các tài khoản TK 811 – *Chi phí khác* kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 4):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản* → chọn 811 → *Xem* để xem và in sổ chi tiết TK 811

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ							
1	CG003/12	04/12	Nộp thuế GTGT, tiền chậm nộp theo biên bản kiểm tra	1.269.935		1.269.935	
2	CG004/12	04/12	Nộp phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp thuế theo quyết định truy thu	14.299.126		15.569.061	
3	KC006/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính		15.569.061		
Cộng phát sinh tháng 12				15.569.061	15.569.061		
Cộng lũy kế từ đầu quý 4				15.569.061	15.569.061		
Cộng lũy kế từ đầu năm				15.569.061	15.569.061		
Số dư cuối kỳ							

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để mở sổ cái TK 811 – *Chi phí khác* kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 5):
Vào *Tổng hợp* → chọn *Hình thức nhật ký chung* → chọn *Sổ cái* (Theo hình thức *NKC*) → chọn *811* → chọn *Xem* để xem và in Sổ cái TK 811

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2023
 Tài khoản: 811 (Chi phí khác)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CG003/12	04/12	Nộp thuế GTGT, tiền chậm nộp theo biên bản kiểm tra	1121	1.269.935	
2	CG004/12	04/12	Nộp phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp thuế theo quyết định truy thu	1121	14.299.126	
3	KC006/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		15.569.061
			Cộng phát sinh tháng 12		15.569.061	15.569.061
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		15.569.061	15.569.061
			Cộng lũy kế từ đầu năm		15.569.061	15.569.061
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2023
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.5. Kế toán chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Nội dung

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Cuối năm, căn cứ vào tổng doanh thu của doanh nghiệp, kế toán tổng hợp tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Sổ chi tiết các tài khoản TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Sổ chi tiết các tài khoản TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

e. Quy trình ghi sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 80/2021/TT-
BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: S96 - Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Giải pháp chất lượng VQB

[07] Mã số thuế: 3101021403

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(60.646.815)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1=B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(60.646.815)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(60.646.815)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(60.646.815)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0

5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	

1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 23 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Văn Minh

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xỏ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xỏ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xỏ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xỏ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Giải pháp chất lượng VQB

[03] Mã số thuế: 3101021403

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	1.709.317.342
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	44.000
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	1.754.439.096
a	Giá vốn hàng bán	[13]	829.579.660
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	924.859.436
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(45.077.754)
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	15.569.061
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(15.569.061)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(60.646.815)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 23 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Văn Minh

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB.

Hình 2.32. Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

a. Nội dung

Cuối năm kế toán tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, thu nhập khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911 để xác định lãi/lỗ trong quá trình hoạt động kinh doanh.

b. Tài khoản sử dụng

– TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

c. Sổ sách sử dụng

– Sổ nhật ký chung

– Sổ cái TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

– Sổ chi tiết các tài khoản TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

d. Quy trình ghi sổ

Cuối năm, sau khi hoàn thành các nghiệp vụ kế toán phát sinh trong kỳ vào phần mềm, kế toán thực hiện khai báo các cặp tài khoản kết chuyển cuối kỳ như sau:

Vào *Tổng hợp* → chọn *Kết chuyển, khóa sổ/mở sổ* → chọn *Thực hiện kết chuyển/mở sổ* → chọn *Kết chuyển*

Để xem và kiểm tra dữ liệu đã cập nhật lên Sổ nhật ký chung kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 2, 3):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Hình thức nhật ký chung* → chọn *Nhật ký chung* → chọn *Xem* để xem và in Nhật ký chung

Để mở sổ chi tiết các tài khoản TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh* kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 4):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản* → chọn 911 (4212) → *Xem* để xem và in sổ chi tiết TK 911 (4212)

Để mở sổ cái TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh* kế toán thực hiện thao tác (xem ở phụ lục số 5):

Vào *Tổng hợp* → chọn *Hình thức nhật ký chung* → chọn *Sổ cái (Theo hình thức NKC)* → chọn 911 (421) → chọn *Xem* để xem và in Sổ cái TK 911 (421)

**Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng
VQB**

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC)

**Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa -
Quảng Bình**

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng
BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023

Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ							
1	KC02/12	31/12	K.c doanh thu cung cấp dịch vụ		1.709.317.342		1.709.317.342
2	KC03/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính		44.000		1.709.361.342
3	KC04/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	829.579.660			879.781.682
4	KC05/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	924.859.436		45.077.754	
5	KC06/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	15.569.061		60.646.815	
6	KC07/12	31/12	K.c chi phí chung giảm trừ lợi nhuận		60.646.815		
Cộng lũy kế từ đầu năm				1.770.008.157	1.770.008.157		
Số dư cuối kỳ							

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2023
Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	KC002/12	31/12	K.c doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		1.709.317.342
2	KC003/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		44.000
3	KC004/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	632	829.579.660	
4	KC005/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	924.859.436	
5	KC006/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	811	15.569.061	
6	KC007/12	31/12	Kết chuyển lỗ tháng 12/2023	4212		60.646.815
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.770.008.157	1.770.008.157
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng
VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2023
Tài khoản: 4212 (Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ			Vb _g p;xc®	
1	KC007/12	31/12	K.c chi phí chung giảm trừ lợi nhuận	60.646.815		60.646.815	
			Cộng lũy kế từ đầu năm	60.646.815	0		
			Số dư cuối kỳ			60.646.815	

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 421 (Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)

Đơn vị tính : Đồng

ST T	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng năm			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		65.447.9 22
1	KC007/12	31/12	Kết chuyển lỗ tháng 12/2023	911	60.646.815	
			Cộng lũy kể từ đầu năm		60.646.815	0
			Số dư cuối kỳ	x		4.801.10 7

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tr số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Giải pháp chất lượng VQB

[03] Mã số thuế: 3101021403

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	1.709.317.342	2.008.186.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.709.317.342	2.008.186.371
4. Giá vốn hàng bán	11		829.579.660	1.003.368.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		879.737.682	1.004.817.588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		44.000	42.000
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		924.859.436	964.511.388
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(45.077.754)	40.348.200
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		15.569.061	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(15.569.061)	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(60.646.815)	40.348.200
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(60.646.815)	40.348.200

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Nguyễn Văn Minh

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB.

Hình 2.33. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

CHƯƠNG III: NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB

3.1. Những nhận xét đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

3.1.1. Ưu điểm

➤ Về tổ chức bộ máy:

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các phòng ban.
- Các trang thiết bị cần thiết cho việc làm như máy tính, máy quét và máy in, cùng với hệ thống Internet liên kết nội bộ, đều được cung cấp đầy đủ, đảm bảo quá trình tìm kiếm và thu thập dữ liệu diễn ra một cách nhanh chóng và dễ dàng.
- Ngoài ra, sự hỗ trợ từ Phần mềm Việt Đà cũng đã giúp giảm thiểu được gánh nặng công việc và đảm bảo thông tin cần thiết trên các loại sổ sách và báo cáo luôn được cập nhật đúng thời hạn, phục vụ hiệu quả cho việc quản lý.

➤ Về đội ngũ nhân viên:

- Kế toán viên có trình độ chuyên môn cao, đã hoàn thành chương trình đào tạo từ Cao đẳng đến Đại học, và có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ công việc như Phần mềm kế toán và bộ phần mềm Microsoft Office.
- Có kỹ năng vận hành các thiết bị văn phòng như máy photocopy, máy quét và máy in. Đội ngũ nhân viên kế toán của chúng tôi là những người năng động, đầy nhiệt huyết và có khả năng thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc tại công ty.

➤ Về hệ thống sổ sách chứng từ:

- Công ty tuân thủ nghiêm ngặt quy định về việc tạo lập, quản lý và bảo quản chứng từ kế toán. Mọi tài liệu đều được sắp xếp một cách cẩn thận, đảm bảo tính minh bạch và dễ dàng truy cập.
- Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các sổ sách để hạch toán doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Mỗi tháng, công ty đều thực hiện in ấn chứng từ và sổ sách kế toán liên quan một cách đầy đủ. Sau đó, tất cả được tổ chức và đóng gói theo từng bộ phận kế toán cụ thể, được xếp đặt theo thứ tự thời gian và cuối cùng được lưu trữ tại phòng kế toán. Điều này giúp việc kiểm tra và phát hiện sai sót được thực hiện một cách nhanh chóng, đồng thời cũng thuận lợi cho việc kiểm tra đột xuất từ phía cơ quan thuế.

➤ Về hệ thống tài khoản

- Các tài khoản kế toán mà Công ty sử dụng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cả trong việc hạch toán doanh thu từ bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đều tuân thủ theo chuẩn mực được đặt ra trong Thông tư 133, được Bộ Tài chính Việt Nam phê duyệt vào ngày 26/08/2016. Công ty không tạo thêm bất kỳ tài khoản kế toán nào khác ngoài những tài khoản đã được quy định trong Thông tư này.

➤ **Về phương pháp kế toán**

- Công ty tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc kế toán và thực hiện tương đối chính xác, phù hợp với chế độ kế toán cũng như đặc điểm sản xuất kinh doanh.

➤ **Về phần mềm kế toán**

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán VIỆT ĐÀ phiên bản 21.0727 là phiên bản mới nhất được cập nhật theo các quy định của thuế và kế toán hiện hành. Phần mềm dễ sử dụng, có giao diện thân thiện, hướng dẫn chi tiết và hỗ trợ nhiều tính năng mở rộng. Phần mềm có khả năng tự động hóa nhiều thao tác kế toán, như hạch toán, tính thuế, khấu hao, phân bổ, lập báo cáo, ...

➤ **Về các chính sách của công ty**

- Ngoài các chương trình dành cho khách hàng, công ty cũng triển khai chính sách thưởng, các nghi lễ và lễ Tết hàng năm cho nhân viên. Điều này góp phần thúc đẩy tinh thần làm việc nhiệt huyết và đam mê, khuyến khích sự tò mò, sáng tạo và tính chủ động trong công việc. Mối quan hệ đồng nghiệp thân thiện và hòa nhập cũng là yếu tố quan trọng giúp công ty ngày càng ổn định và phát triển mạnh mẽ.

➤ **Về hệ thống báo cáo**

- Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc trong việc soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính, bao gồm cả việc xuất bản bốn báo cáo tài chính hàng năm. Các chỉ số được trình bày trong báo cáo tài chính đều thể hiện một cách chân thực sự biến động của tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh, và dòng tiền. Phần thuyết minh báo cáo tài chính cung cấp một cái nhìn đầy đủ và chính xác về thông tin, phục vụ cho nhu cầu của người sử dụng.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được cũng như ưu điểm của công ty thì công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ còn nhiều tồn tại:

➤ **Về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Công ty có nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, từ giáo dục đến nông nghiệp và máy móc. Ghi doanh thu vào một tài khoản chung có thể bị mất khả năng theo dõi hiệu suất kinh doanh chi tiết từng lĩnh vực. Điều này gây khó khăn trong việc đánh giá giá và quản lý hiệu quả của từng mảng kinh doanh đứng đắn.

- Công việc quản lý doanh thu chung có thể làm mất khả năng đánh giá hiệu quả của chiến lược kinh doanh. Công ty không thể xác định rõ ràng nơi nào đang đóng góp nhiều hơn vào doanh thu và lợi nhuận.

- Công ty lập 2 lần phiếu thu khi khách hàng chưa thanh toán ngay, phiếu thu lần đầu (khách hàng chưa thanh toán) ghi Nợ tài khoản 131, phiếu thu lần 2 (khách hàng thanh toán) công ty ghi Có tài khoản 131. Điều này là đúng khi công ty giảm công nợ phải thu của khách hàng khi đã nhận được thanh toán tuy nhiên việc lập 2 phiếu thu có thể gây ra sự trùng lặp thông tin trong hệ thống, điều này có thể tạo ra sự nhầm lẫn và khó khăn khi kiểm soát và báo cáo.

➤ **Về kế toán dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty không lập các khoản phải thu khó đòi, việc lập dự phòng là một biện pháp quản lý rủi ro cần thiết để đảm bảo công ty có thể đối phó với các khoản phải thu không thu hồi được và duy trì sự ổn định tài chính.

- Không lập dự phòng sẽ làm tăng lợi nhuận giả tạo vì các khoản phải thu không thực tế vẫn được ghi nhận là doanh thu.

- Công ty có thể gặp khó khăn trong việc duy trì dòng tiền hoạt động vì không dự đoán được các khoản phải thu sẽ không thu hồi được.

➤ **Về phần mềm kế toán**

Phần mềm VIỆT ĐÀ chỉ dùng được trên máy tính có cấu hình khá cao, không thể sử dụng trên điện thoại hay máy tính bảng. Phí mua phần mềm có bản quyền không thấp, phần mềm còn phụ thuộc vào kết nối mạng để cập nhật và đồng bộ dữ liệu, có thể gặp sự cố khi mạng yếu hoặc mất mạng.

3.2. Một số ý kiến về công tác kế toán doanh thu xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Tuy nhiên, để giải quyết những nhược điểm này, công ty có thể áp dụng các giải pháp sau:

➤ **Về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Công ty có thể phân loại các dịch vụ thành từng nhóm riêng biệt để dễ dàng quản lý và kiểm soát. Việc này sẽ giúp công ty đưa ra quyết định kinh doanh chính xác hơn.

- Thay vì lập 2 phiếu thu, công ty có thể lập *Hóa đơn, chứng từ cung ứng dịch vụ* ghi Nợ TK 131 / Có TK 5113 nhân vào *Thu tiền* khi đã thu tiền khách hàng phần mềm sẽ tự động cập nhật phiếu thu ghi Nợ TK 1121 / Có TK 131.

Minh họa hạch toán hóa đơn GTGT số 6 lên phần mềm VIỆT ĐÀ mô phỏng

Vào *Nhập xuất* → chọn *Hóa đơn, chứng từ cung ứng dịch vụ* → nhập đầy đủ và đúng nội dung theo hóa đơn điện tử đã xuất → chọn *Lưu* → khi khách hàng đã thanh toán chọn *Thu tiền* phần mềm sẽ tự động cập nhật là khách hàng đã thanh toán.

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Đóng góp ý kiến
0914 833 097

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VIETDA ACCOUNTING .NET

Tên sản phẩm : KTDN - Full
Số phiên bản : 24.0119

Cty Phần Mềm Việt Đà cung ứng Hóa đơn điện tử
và tích hợp dữ liệu từ phần mềm sang hóa đơn điện tử.

TRA CỨU DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT VÀ KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT
(Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP)
<https://tracu.vietda.com.vn/>

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở : 41 Trần Văn Ôn - P. Hòa An - Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng - Việt Nam
Điện thoại : 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778
VP Đà Nẵng: 0905 45 44 69 - VP Nghệ An: 0857 55 57 59
VP Hà Nội: 0848 88 04 88 - VP HCM: 0911 10 14 15
Email: vietda.cs@kh@gmail.com - Website: www.vietda.com.vn

Thoát (ESC)

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Chọn từ: XD001/02 | TM001/02

Chọn từ: XD001/02 Ngày: 23/02/2023 Mã kho: C.ú gốc: Mã hóa đơn: 0317069924-010 Lý do: Phiếu tạo phòng cháy chữa cháy %L
Đã hưởng: 0317069924-010 Mã hóa đơn: 0317069924-010 Lý do: Phiếu tạo phòng cháy chữa cháy %L
Địa chỉ: Thôn Xuân Thành, xã Mỹ An, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Thuận Số ngày nợ: 0 Phương tiện VC: Phương tiện VC: %P
ĐC giao hàng: Mức giá: Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

☒ Hóa đơn Ngày: 23/02/2023 Mã | Mẫu HD: 01G* 3/001 Loại thuế: 0 Đơn vị: CÔNG TY TNHH THUY SƠN CÔNG NGHỆ MST: 0317069924-010
Ký hiệu: 1C23TQB Số HD: 6 Mật hàng: Loại: %L
Tiền hàng: 38.000.000 % Chiết khấu: 0 Tiền CK: 0 Đơn hàng: Phương thức TT: Chuyển khoản
Tiền thuế: 0 Ghi nợ: 131 Ghi có: 33311 Khoản mục: Vụ việc: Nhiều hóa đơn...
☐ Hiện thị thuế suất từng mặt hàng Ghi chú: Copy Phiếu

☒ Danh sách hàng hóa, dịch vụ của Nhóm: Ngành: Lĩnh vực:

Mã D.Vụ	Tên dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiền hàng	TK Nợ	TK Có	%CK	Tiền CK	Nội CK	Có CK	Giá đích danh	Tiền VAT	Tổng tiền	Số hóa đơn	Đơn hàng	Ghi chú
1	PC	Phiếu tạo phòng cháy chữa cháy	lần	1,00	38.000.000	38.000.000	131	5113	0	0				0	38.000.000			
#2																		

Tổng chứng từ: 38.000.000 Thanh toán: 38.000.000 ☐ In biên bản ☒ Xem trước khi in
Tổng hóa đơn: 38.000.000 Còn nợ: 0 ☐ Xem công nợ hiện hành

Thêm từ file XML Thêm mặt hàng từ Excel Mẫu Excel
Lưu Thêm Xóa In phiếu Hóa đơn
Thu tiền Chi phí Nhân viên Thoát

Hình 3.1. Minh họa hạch toán hóa đơn GTGT số 6 lên phần mềm VIỆT ĐÀ

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

XD001/02 TM001/02

Số CT: TM001/02 Ngày: 23/02/2023 CT gốc: CT gốc

Đối tượng: 0317069324-0 D CÔNG TY TNHH THỦY SẢN CÔNG NGHIỆP Lý do: Thu tiền Phí đảo tạo phòng cháy chữa cháy

Địa chỉ: Thôn Xuân Thành, xã Mỹ An, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định, Việt Nam Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Chi tiết thu chi

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chỉnh lý lịch tỷ giá

Đến giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%)	Kỳ tính lãi
#1	38.000.000	1121	131							0,00	
#2											

Thuế GTGT

Copy Phiếu Thêm từ file XML

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Đơn vị	Địa chỉ	Mã số thuế	Đến giải
#1														

Tổng thanh toán: 38.000.000 Tổng hóa đơn: 0

Lưu Thêm Xóa In Thoát

Hình 3.2. Hình minh họa phiếu thu phần mềm tự động cập nhật

Điều này giúp giảm thiểu sai sót và đảm bảo tính chính xác trong phần mềm kế toán. Ngoài ra, việc duyệt và kiểm tra các giao dịch trước khi vào phần mềm kế toán cũng là một bước quan trọng để tránh những sai sót không mong muốn.

➤ Về kế toán dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản có tính chất tương tự các khoản phải thu mà khó có khả năng thu hồi.

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi

- Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, bảo đảm cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

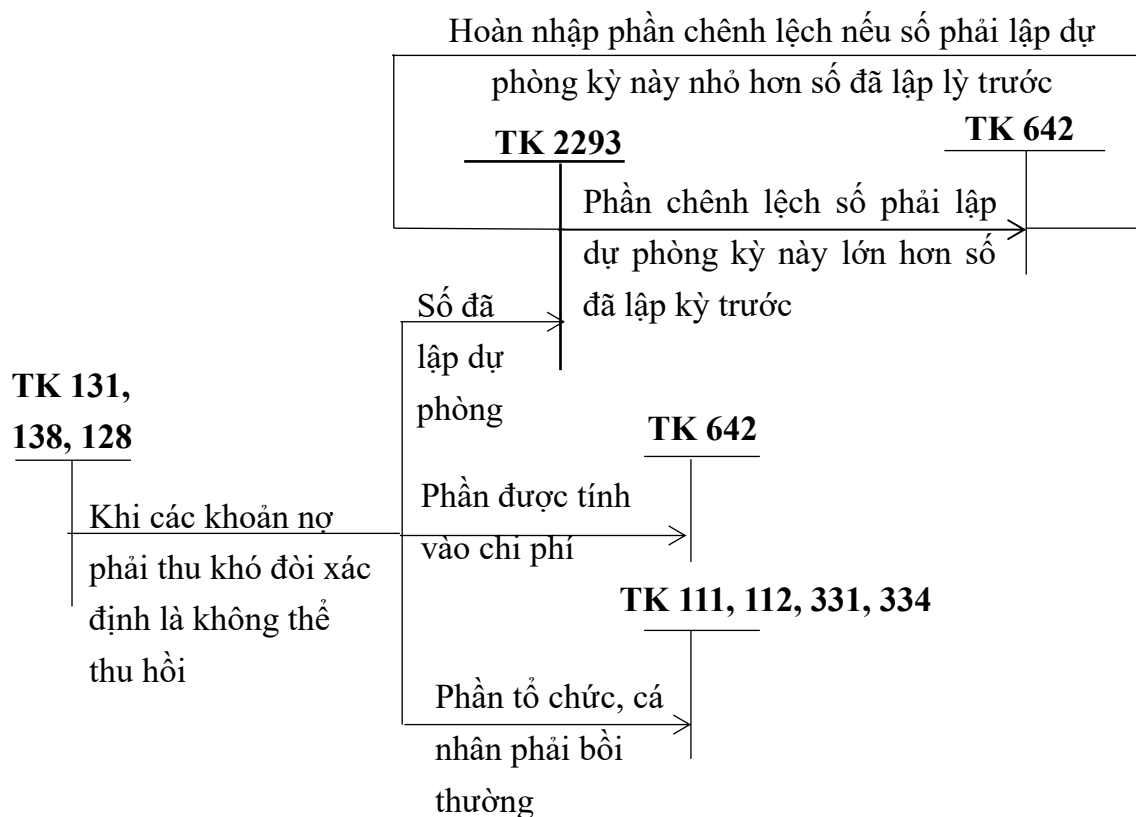
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nếu tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, giam giữ, xét xử

hoặc đã chết, doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán dự phòng phải thu khó đòi

❖ **Minh họa hạch toán dự phòng phải thu khó đòi dựa vào sổ cái TK 131**

Thời hạn là 1 tháng sau khi lập hóa đơn

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB

Mã số thuế: 3101021403

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI NĂM 2023

Đvt : Đồng

STT	Tên công ty	Công nợ với khách hàng	Thời hạn thanh toán	Thời gian quá hạn	Mức trích	Lập số tiền
1	Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu	18.600.000	17/02	10 tháng	30%	5.580.000
2	Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu	18.600.000	22/03	9 tháng	30%	5.580.000
3	Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bình Định	38.000.000	23/04	8 tháng	30%	11.400.000
Tổng		75.200.000				22.560.000

Căn cứ vào bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, kế toán định khoản:

Nợ TK 6422 22.560.000

Có TK 2293 22.560.000

➤ **Về phần mềm kế toán**

Công ty có thể tìm hiểu về các phần mềm quản lý khác có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị qua Internet. Như:

MISA AMIS:

- Được xây dựng theo công nghệ điện toán đám mây, cho phép người dùng có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị qua Internet.
- Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ kế toán cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, giúp doanh nghiệp đánh giá chính xác lợi nhuận từng mặt hàng và đưa ra quyết định kinh doanh chính xác hơn.
- Cung cấp công cụ giúp lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng phân tích, kiểm soát, so sánh, đánh giá tình hình sử dụng chi phí để đảm bảo các khoản chi tiêu của doanh nghiệp có hợp lý và có trong định mức không.

EASYBOOK:

- Phần mềm kế toán trực tuyến này có thể sử dụng trên nhiều thiết bị khác nhau, bao gồm máy tính, điện thoại di động và máy tính bảng.
- Cung cấp nhiều tính năng hữu ích như quản lý hàng hóa, quản lý kho, quản lý thu chi, quản lý nhân sự, quản lý bán hàng, quản lý đối tác, quản lý sản xuất, quản lý dự án, quản lý tài sản cố định, quản lý thuế, quản lý báo cáo tài chính.
- Giá thành phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

KẾT LUẬN

Em đã thực tập tại Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB và thực sự học được nhiều điều về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Nhờ giáo viên hướng dẫn và sự giúp đỡ của mọi người trong công ty, em có thêm kiến thức và trải nghiệm quý báu.

Tuy nhiên, có những thách thức như đa dạng của lĩnh vực hoạt động và việc sử dụng phần mềm VIỆT ĐÀ. Nhưng với sự giúp đỡ và hỗ trợ, em tin rằng những khó khăn này có thể trở thành cơ hội học hỏi.

Em xin cảm ơn giáo viên hướng dẫn cô Trần Thượng Bích La đã luôn dành thời gian chia sẻ kiến thức và đội ngũ Công ty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB đã tạo điều kiện cho em học và phát triển. Thực tập là một hành trình ý nghĩa và em hy vọng rằng đóng góp nhỏ của em sẽ góp phần vào sự phát triển của công ty trong tương lai.

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục số 1 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	101
Phụ lục số 2 Hình giao diện mở sổ Nhật ký chung	102
Phụ lục số 3 Sổ nhật ký chung	108
Phụ lục số 4 Giao diện xem sổ chi tiết	109
Phụ lục số 5 Giao diện mở sổ cái	110
Phụ lục số 6 Sổ phụ tài khoản ngân hàng	117
Phụ lục số 7 Giao diện kết chuyển	118

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3101021403

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 10 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 24 tháng 03 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG VQB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VQB QUALITY SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn 1 Thanh Long, Thị Trấn Quy Đạt, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0912.589.266

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 187025870

Ngày cấp: 02/08/2013

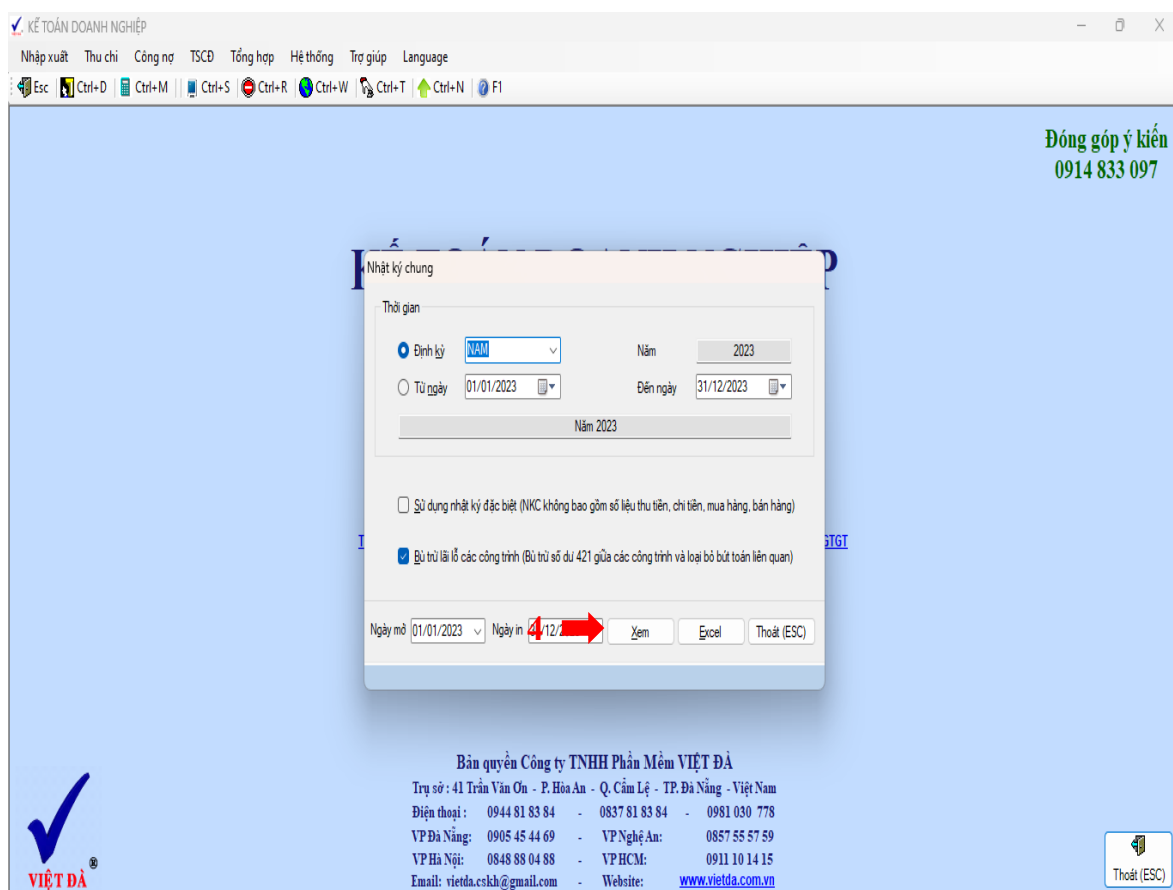
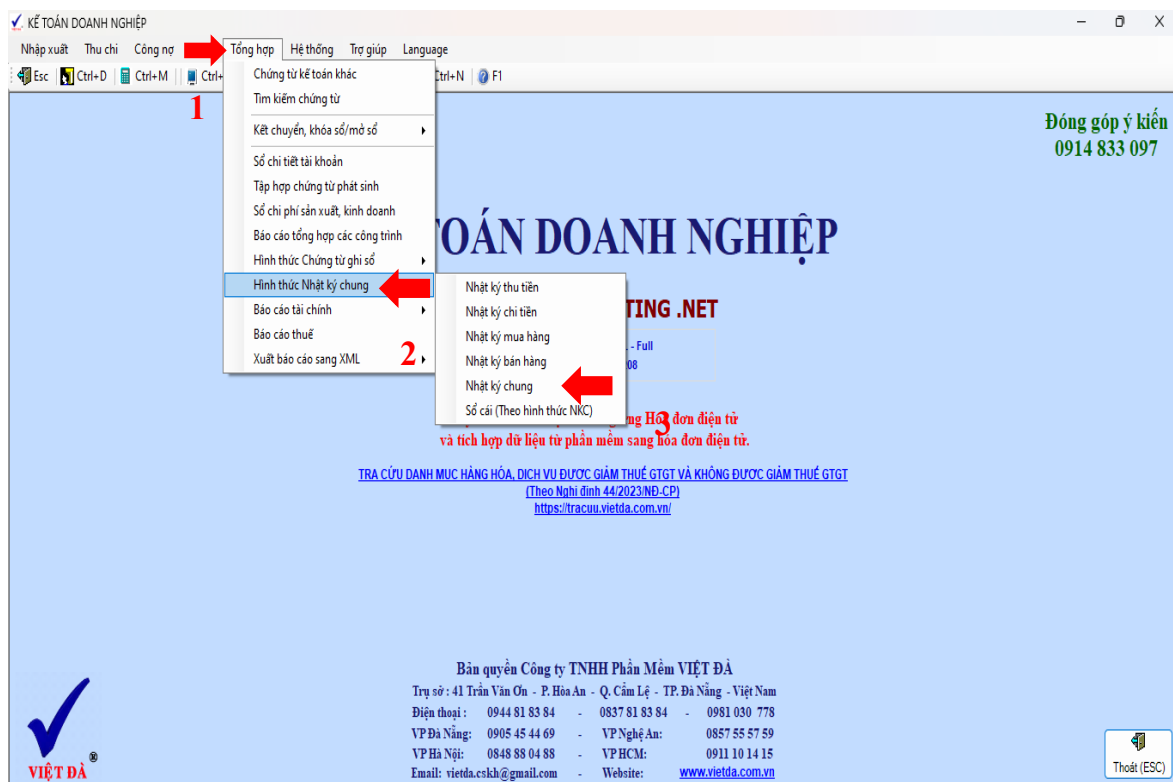
Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Tiến Đồng, Xã Đồng Văn, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Tiến Đồng, Xã Đồng Văn, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty





Phụ lục số 2 Hình giao diện mở sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Giải Pháp chất lượng VQB
Địa chỉ : TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC)

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính : Đồng

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoả n	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM028/0 1	01/01/2 3	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	1.427.217	
1	CM028/0 1	01/01/2 3	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	1111		1.427.217
2	CM029/0 1	01/01/2 3	Nộp thuế GTGT	33311	893.161	
2	CM029/0 1	01/01/2 3	Nộp thuế GTGT	1111		893.161
3	2275	03/01/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	6422	1.590.909	
3	2275	03/01/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1111		1.590.909
3	2275	03/01/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1331	159.091	
3	2275	03/01/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1111		159.091
...	...	...	...	...	...	...
28	CG010/01	12/01/2 3	Rút tiền gửi ngân hàng (Cao Thị Ánh Nguyệt)	1111	53.867.000	
28	CG010/01	12/01/2 3	Rút tiền gửi ngân hàng (Cao Thị Ánh Nguyệt)	1121		53.867.000
29	1379	13/01/2 3	Phí đánh giá (Chi nhánh công ty TNHH INTERTEK Việt nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh)	154	38.000.000	
29	1379	13/01/2 3	Phí đánh giá (Chi nhánh công ty TNHH INTERTEK Việt nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh)	331		38.000.000
29	1379	13/01/2 3	Phí đánh giá (Chi nhánh công ty TNHH INTERTEK Việt nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh)	1331	3.800.000	

29	1379	13/01/23	Phí đánh giá (Chi nhánh công ty TNHH INTERTEK Việt nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh)	331		3.800.000
...	...	...	...	...	...	...
32	19360	16/01/23	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	6422	1.590.909	
32	19360	16/01/23	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1111		1.590.909
32	19360	16/01/23	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1331	159.091	
32	19360	16/01/23	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH xăng dầu Quảng Bình)	1111		159.091
...	...	...	...	...	...	...
49	CM031/01	31/01/23	Chi nộp tiền BHXH, BHYT, TN (Cao Thị Ánh Nguyệt)	3383	2.240.000	
49	CM031/01	31/01/23	Chi nộp tiền BHXH, BHYT, TN (Cao Thị Ánh Nguyệt)	1111		2.240.000
50	TG007/01	31/01/23	Lãi tiền gửi	1121	3.000	
50	TG007/01	31/01/23	Lãi tiền gửi	515		3.000
...	...	...	...	...	...	...
62	TG001/02	06/02/23	Thu tiền Phí lấy mẫu giám sát chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tháng 01/2023 theo hợp đồng số:119/2022/VQB-HĐCN ký ngày 01/07/2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu)	1121	20.460.000	

62	TG001/02	06/02/23	Thu tiền Phí lấy mẫu giám sát chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tháng 01/2023 theo hợp đồng số:119/2022/VQB-HDCN ký ngày 01/07/2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bạc Liêu)	131		20.460.000
...	...	...	...	...	...	...
68	CG003/02	16/02/23	Phí duy trì DV SMS tháng 2	6422	55.000	
68	CG003/02	16/02/23	Phí duy trì DV SMS tháng 2	1121		55.000
69	4	19/02/23	Vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/2/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)	1111	1.363.636	
69	4	19/02/23	Vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/2/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)	5113		1.363.636
69	4	19/02/23	Vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/2/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)	1111	136.364	
69	4	19/02/23	Vé máy bay từ Bình Định đến Hồ Chí Minh ngày 19/2/2023 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam)	33311		136.364
...	...	...	...	...	...	...
72	6	23/02/23	Phí đào tạo phòng cháy chữa cháy theo hợp đồng số:15122022/2022/VQ B-HĐDV ký ngày 15 tháng 12 năm 2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bình Định)	131	38.000.000	

72	6	23/02/23	Phí đào tạo phòng cháy chữa cháy theo hợp đồng số:15122022/2022/VQ B-HĐDV ký ngày 15 tháng 12 năm 2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bình Định)	5113		38.000.000
...	...	...	...	...	...	...
94	TG001/03	10/03/23	Thu tiền Phí đào tạo phòng cháy chữa cháy theo hợp đồng số:15122022/2022/VQ B-HĐDV ký ngày 15 tháng 12 năm 2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bình Định)	1121	38.000.000	
94	TG001/03	10/03/23	Thu tiền Phí đào tạo phòng cháy chữa cháy theo hợp đồng số:15122022/2022/VQ B-HĐDV ký ngày 15 tháng 12 năm 2022 (Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Bình Định)	131		38.000.000
...	...	...	...	...	...	...
133	00000187	19/04/23	Vé máy bay (Công ty TNHH TM và DV du lịch Quang Minh)	6422	4.938.818	
133	00000187	19/04/23	Vé máy bay (Công ty TNHH TM và DV du lịch Quang Minh)	1111		4.938.818
133	00000187	19/04/23	Vé máy bay (Công ty TNHH TM và DV du lịch Quang Minh)	1331	474.182	
133	00000187	19/04/23	Vé máy bay (Công ty TNHH TM và DV du lịch Quang Minh)	1111		474.182
...	...	...	...	...	...	...
391	CM076/08	31/08/23	Thanh toán tiền lương (Cao Thị Ánh Nguyệt)	334	10.740.000	
391	CM076/08	31/08/23	Thanh toán tiền lương (Cao Thị Ánh Nguyệt)	1111		10.740.000
...	...	...	...	...	...	...
397	TH001/08	31/08/23	Tính lương phải trả	6422	12.000.000	
397	TH001/08	31/08/23	Tính lương phải trả	334		12.000.000

398	TH002/08	31/08/2 3	Tính BHXH, BHYT, TN	6422	2.580.000	
398	TH002/08	31/08/2 3	Tính BHXH, BHYT, TN	3383		2.580.000
398	TH002/08	31/08/2 3	Tính BHXH, BHYT, TN	334	1.260.000	
398	TH002/08	31/08/2 3	Tính BHXH, BHYT, TN	3383		1.260.000
...	...	...	...	...	...	...
613	1348	04/12/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Hằng Hà)	6422	1.598.182	
613	1348	04/12/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Hằng Hà)	1111		1.598.182
613	1348	04/12/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Hằng Hà)	1331	159.818	
613	1348	04/12/2 3	Thanh toán tiền xăng xe (Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Hằng Hà)	1111		159.818
614	CG003/12	04/12/2 3	Nộp thuế	33311	12.000.000	
614	CG003/12	04/12/2 3	Nộp thuế	1121		12.000.000
614	CG003/12	04/12/2 3	Nộp thuế GTGT, tiefn chậm nộp theo biên bản kiểm tra	811	1.269.935	
614	CG003/12	04/12/2 3	Nộp thuế GTGT, tiefn chậm nộp theo biên bản kiểm tra	1121		1.269.935
615	CG004/12	04/12/2 3	Nộp thuế	811	14.299.126	
615	CG004/12	04/12/2 3	Nộp thuế	1121		14.299.126
...	...	...	...	...	...	...
691	TH004/12	31/12/2 3	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn	632	825.784.530	
691	TH004/12	31/12/2 3	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh vào giá vốn	154		825.784.530
692	KC001/12	31/12/2 3	K.c các khoản phải trả nhà nước khác	6422	2.000.000	
692	KC001/12	31/12/2 3	K.c các khoản phải trả nhà nước khác	33382		2.000.000
693	KC002/12	31/12/2 3	K.c doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	1.709.317.342	
693	KC002/12	31/12/2 3	K.c doanh thu cung cấp dịch vụ	911		1.709.317.342

694	KC003/12	31/12/23	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	44.000	
694	KC003/12	31/12/23	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		44.000
695	KC004/12	31/12/23	K.c giá vốn hàng bán	911	829.579.660	
695	KC004/12	31/12/23	K.c giá vốn hàng bán	632		829.579.660
696	KC005/12	31/12/23	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	924.859.436	
696	KC005/12	31/12/23	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		924.859.436
697	KC006/12	31/12/23	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911	15.569.061	
697	KC006/12	31/12/23	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	811		15.569.061
698	KC007/12	31/12/23	Kết chuyển lỗ tháng 12/2023	4212	60.646.815	
698	KC007/12	31/12/23	Kết chuyển lỗ tháng 12/2023	911		60.646.815
Tổng cộng số phát sinh					16.253.506.262	16.253.506.262

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 3 Sổ nhật ký chung

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+N F1

Chứng từ kế toán khác
Tìm kiếm chứng từ
Kết chuyển, khóa sổ/mở sổ
Số chi tiết tài khoản
Tập hợp chứng từ phát sinh
Số chi phí sản xuất, kinh doanh
Báo cáo tổng hợp các công trình
Hình thức Chứng từ ghi sổ
Hình thức Nhật ký chung
Báo cáo tài chính
Báo cáo thuế
Xuất báo cáo sang XML

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VIETDA ACCOUNTING.NET

Tên sản phẩm : KTXL - Full
Số phiên bản : 21.0727

Cty Phần Mềm Việt Đà cung ứng Hóa đơn điện tử
và hỗ trợ tích hợp với tất cả các nhà cung cấp hóa đơn.

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở : 59 Nguyễn Quyền - P. Hòa An - Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng - Việt Nam
Điện thoại : (0236) 3 726 926 - 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778
VP Nghệ An: (0238) 3 846 946 - 0857 55 57 59 - 0845 57 58 59 - 0964 710406
Email: vietda.skh@gmail.com Website: www.vietda.com.vn

Việt Đà

Dữ liệu: D:\PHAN MEM VIET DA\DU LIEU KE TOAN\WQB2023.vda Người dùng: Admin

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Số chi tiết tài khoản

Thời gian
☒ Định kỳ Q01 Năm 2023
☐ Từ ngày 01/01/2023 Đến ngày 31/03/2023
Quý 1 năm 2023

Tài khoản 5113 Vụ việc

☐ Tổng hợp theo từng hàng mục công trình (áp dụng cho tài khoản theo công trình)

☒ Gộp theo Chứng từ phát sinh ☐ Gộp theo Tài khoản đối ứng ☐ Hiện thị Chi tiết phát sinh

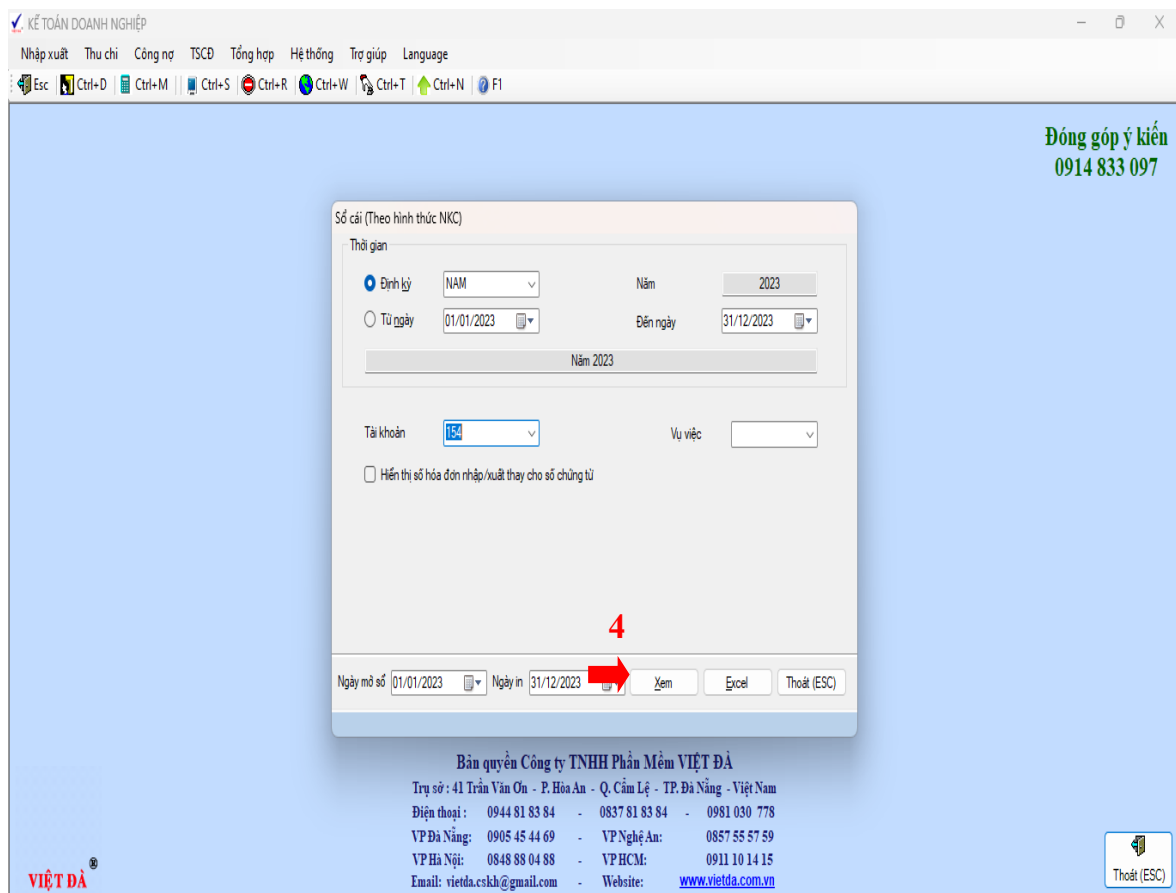
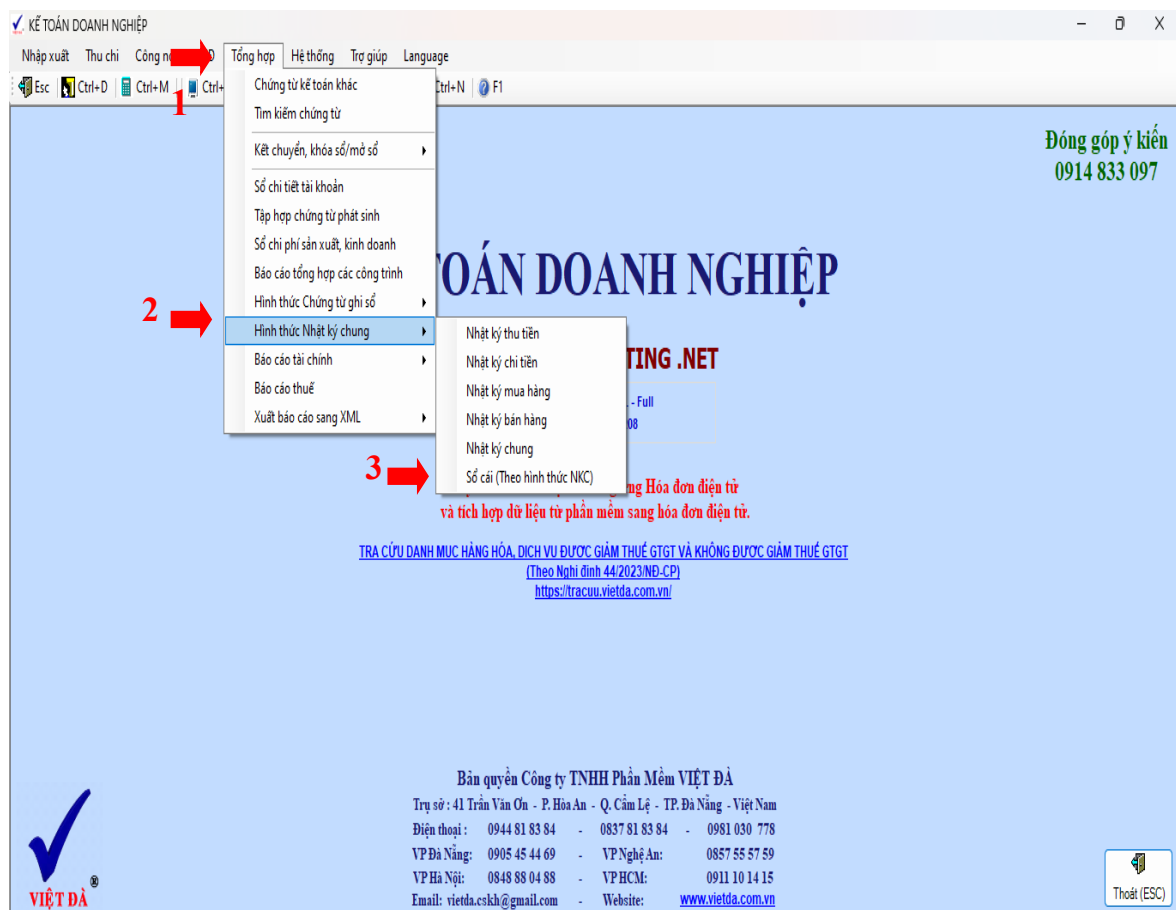
Ngày in 31/03/2023 Xem Excel Thoát (ESC)

Việt Đà

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở : 59 Nguyễn Quyền - P. Hòa An - Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng - Việt Nam
Điện thoại : (0236) 3 726 926 - 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778
VP Nghệ An: (0238) 3 846 946 - 0857 55 57 59 - 0845 57 58 59 - 0964 710406
Email: vietda.skh@gmail.com Website: www.vietda.com.vn

Dữ liệu: D:\PHAN MEM VIET DA\DU LIEU KE TOAN\WQB2023.vda Người dùng: Admin

Phụ lục số 4 Giao diện xem sổ chi tiết



Phụ lục số 5 Giao diện mở sổ cái

Chi nhánh: Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình
 Địa chỉ: Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình
 Điện thoại/Fax: 0232.3572220/0232.3572306



SỔ PHỤ / STATEMENT

Tên khách hàng/ Customer name: Cty TNHH Giải Pháp Chất Lượng VQB

Địa chỉ / Address: Thôn Thanh Long Xã Quy Hóa Huyện Minh Hóa Tỉnh Quảng Bình

Ngày in / Print out date: 17/01/2024

Loại tiền / Ccy: VND

Loại tiền gửi / DP kind: TG KKH TCKT

Tài khoản đồng sở hữu/ Joint A/C: No

Số tài khoản / A/C No: 3806201002714

Tình trạng tài khoản/ A/C status: Active

Ngày phát sinh trước / Prior Statement: 31/12/2022

2,586,849 Doanh số nợ tháng / Monthly less debit: 793,299,781

Số dư cuối ngày / Ending balance: 31/12/2023

1,111,060 Doanh số có tháng / Monthly plus credit: 764,891,909

Số hút toán/Doanh số nợ/ Less debit: 100

3,071,243,698 Doanh số nợ năm / Annual less debit: 3,071,243,698

Số hút toán/Doanh số có/ Plus credit: 63

3,069,767,909 Doanh số có năm / Annual plus credit: 3,069,767,909

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
04/01/2023	Đinh Thị Thu Quý nộp tiền: vào tk		30,000,000	32,586,849	
04/01/2023	Đinh Thị Thu Quý nộp tiền:		24,600,000	57,186,849	
04/01/2023	Công ty VQB thanh toán tiền tồn	50,000,000		7,186,849	
04/01/2023	Công ty VQB thanh toán tiền đặt lịch tết	1,411,000		5,775,849	
05/01/2023	CTY VQB TTOAN 50% CON LAI TIEN DAT LICH TET	1,411,000		4,364,849	
06/01/2023	63 Phí danh gia chung nhận ISO 14001 nam 2022 NAM 2 ChargeDetails OUR	- Chi không quy	38,988,000	43,352,849	23010610002520
10/01/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCS QLHCVTXXH Nhận TM	27,400,000		15,952,849	
10/01/2023	64 Phí lấy mẫu giám sát chung nhận cơ sở an toàn dịch ChargeDetails OUR	- Chi tại Bưu	20,088,000	36,040,849	23011010011165
11/01/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 01 năm 2023	22,000		36,018,849	
11/01/2023	65 Phí tập huấn và diễn tập phòng cháy chữa cháy - cụ ChargeDetails OUR	- Chi tại Bưu	51,200,000	87,218,849	23011110005092
12/01/2023	EBAGRTAX: FT Trace(475109)-JEATAX NOP THUẾ ĐIỆN TỬ MST:3101021403-SO CT:0378524	2,000,000		85,218,849	
12/01/2023	THANH TOÁN Hóa ĐƠN Số HIL7750	1,943,000		83,275,849	
12/01/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCS QLHCVTXXH Nhận TM	53,867,000		29,408,849	
13/01/2023	Ttoan tien cong chu nhien vu dự án lưm	9,000,000		20,408,849	
18/01/2023	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 01/2023	55,000		20,353,849	
18/01/2023	66 BA5171B742 Chi phí danh gia chung nhận Global GAP ChargeDetails OUR	- Chi tại Bưu	78,732,000	99,085,849	23011810007966
19/01/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận TM	98,000,000		1,085,849	
31/01/2023	Lãi tiền gửi		3,000	1,088,849	
06/02/2023	1 Phí lấy mẫu giám sát chung nhận cơ sở an toàn dịch ChargeDetails OUR	- Chi tại Bưu	20,460,000	21,548,849	23020610000247
08/02/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 02 năm 2023	22,000		21,526,849	

nh: Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình
 ai: Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình
 en thoại/Fax: 0232.3572220/0232.3572306

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
13/02/2023	Cao Thị ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCSQLHCVTXXH Nhận TM	18,000,000		3,526,849	
16/02/2023	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 02/2023	55,000		3,471,849	
28/02/2023	Lãi tiền gửi		1,000	3,472,849	
08/03/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 03 năm 2023	22,000		3,450,849	
10/03/2023	6 Phí đào tạo PCCC nam 2023 ChargeDetails OUR	- CNk Aai Bui 4000	38,000,000	41,450,849	23031010010079
13/03/2023	CTY VQB TTOAN 50% CON LAI PHI DANH GIA GG TAI CHI NHANH NINH THUAN 1	20,911,000		20,539,849	
14/03/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận TM	13,200,000		7,339,849	
14/03/2023	Thanh toán cho số chứng từ: 230313_1034871_1511005		48,182,000	55,521,849	23031410004579
16/03/2023	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 03/2023	55,000		55,466,849	
16/03/2023	Cao Thị ánh Nguyệt #044190001285 #CCS QLHCVTXXH #28/05/2021 NHẬN TM	54,000,000		1,466,849	
31/03/2023	Lãi tiền gửi		3,000	1,469,849	
12/04/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 04 năm 2023	22,000		1,447,849	
12/04/2023	Thanh toán cho số chứng từ: x 230411_1034871_1511004	Bai Lai 1	80,510,000	81,957,849	23041210002097
13/04/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận TM	50,000,000		31,957,849	
13/04/2023	TTSPBHXH: FT Trace[872405]-[Công ty VQB nộp tiền bảo hiểm cho nhân viên T3. TB0041B]	2,240,000		29,717,849	
18/04/2023	Công ty VQB thanh toán trước 50% phi đánh giá globalgap tại chi nhánh Bình Định	22,561,000		7,156,849	
18/04/2023	10 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh/5 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh ChargeDetails OUR	40,920,000		48,076,849	23041810000875
19/04/2023	CTY VQB thanh toán trước 50% phi đánh giá globalgap cho chi nhánh 1 tại tiền giang và chi nhánh 2 tại bến tre	45,197,410		2,879,439	
20/04/2023	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 04/2023	55,000		2,824,439	
28/04/2023	Lãi tiền gửi		3,000	2,827,439	
10/05/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 05 năm 2023	22,000		2,805,439	
10/05/2023	14 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh ChargeDetails OUR	20,460,000		23,265,439	23051010010284
12/05/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nộp tiền :		60,500,000	83,765,439	
12/05/2023	CTY VQB TTOAN TRUOC 50% PHI DANH GIA ISO	38,512,705		45,252,734	
12/05/2023	CTY VQB TTOAN TRC 50% PHI DANH GIA GG TAI CHI NHANH 1 VUNG TAU	22,011,000		23,241,734	
17/05/2023	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 05/2023	55,000		23,186,734	
24/05/2023	#Cao Thị ánh Nguyệt #044190001285 #CCS QLHCVTXXH #28/05/2021 Nhận TM	15,750,000		7,436,734	

A: Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình

Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình

thoại/Fax: 0232.3572220/0232.3572306

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

AGRIBANK

Thành viên Tập đoàn Ngân hàng Việt Nam

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
25/05/2023	Thanh toán cho số chứng từ: 230523_1034871_1511007		84,548,000	91,984,734	23052510001884
26/05/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận TM	90,000,000		1,984,734	
31/05/2023	Lãi tiền gửi		4,000	1,988,734	
08/06/2023	185443-Cty Char Nuoí Khang Tâm ung 30 hđ số 1162023VQBHDKT Cho VQB		7,359,000	9,347,734	BANKNETIBFT
12/06/2023	TTSPBHXH: FT Trace[255739]-[Công ty VQB nộp tiền bảo hiểm cho nhân viên T4, T5 TB0041B]	4,480,000		4,867,734	
13/06/2023	18 Phi đánh giá chung nhận tiêu chuan Global GAP nam ChargeDetails OUR		82,390,000	87,257,734	23061310000413
14/06/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 06 năm 2023	22,000		87,235,734	
15/06/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận tm	85,000,000		2,235,734	
16/06/2023	EBAGRTAX: FT Trace[703426]-[EATAX NOP THUE DIEN TU MST:3101021403-SO CT:3707375]	2,017,410		218,324	
17/06/2023	Phi duy trì DV SMS Banking Tháng 06/2023	55,000		163,324	
23/06/2023	CK		250,000,000	250,163,324	
23/06/2023	QP4585	29,790,000		220,373,324	API3013530
23/06/2023	QP4585	11,000		220,362,324	3013530
23/06/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nộp tiền :		1,000,000	221,362,324	
23/06/2023	Công ty VQV thanh toán tiền vật liệu	220,210,000		1,152,324	
29/06/2023	Chuyển tiền vào TK công ty		222,000,000	223,152,324	
29/06/2023	Công ty VQB thanh toán thiết bị điện nuoc	221,921,000		1,231,324	API5937065
29/06/2023	Công ty VQB thanh toán thiết bị điện nuoc	73,234		1,158,090	5937065
30/06/2023	Chuyển tiền		209,900,000	211,058,090	
30/06/2023	Công ty VQB thanh toán tiền vật liệu	209,600,000		1,458,090	
30/06/2023	Lãi tiền gửi		2,000	1,460,090	
12/07/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 07 năm 2023	22,000		1,438,090	
12/07/2023	Phi duy trì DV SMS Banking Tháng 07/2023	55,000		1,383,090	
14/07/2023	MB(771319)(CAO THI ANH NGUYET chuyển khoản)		38,500,000	39,883,090	20230714771319
17/07/2023	Cty VQB thanh toán 50% con lai phi đánh giá ISO	38,500,000		1,383,090	API6483913
17/07/2023	Cty VQB thanh toán 50% con lai phi đánh giá ISO	12,705		1,370,385	6483913
18/07/2023	39 BA5171 Thanh toán chi phí huan luyen va dien tap P/40 BA5171B743 Chi phí huan luyen va dien tap PCCC na ChargeDetails OUR		40,000,000	41,370,385	7505867
19/07/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCS QLHCVTXII Nhận TM	34,000,000		7,370,385	
21/07/2023	22 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh/41 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh ChargeDetails OUR		40,920,000	48,290,385	9466425

Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình
Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình
Điện thoại/Fax: 0232.3572220/0232.3572306

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Khang an - 0232.3572220 - 0232.3572306

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
27/07/2023	#Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCSQLHCVTXXH NHẬN TM	31,500,000		16,790,385	
31/07/2023	cty VQB thanh toán tiền hợp đồng tuyển truyền du an kéo lại BV 16 và du an phân bón nano	10,000,000		6,790,385	
31/07/2023	TTSPBHXH: FT Trace[606458]-[Cty VQB thanh toán tiền BH cho nhân viên tháng 07 TB0041B]	2,240,000		4,550,385	
31/07/2023	Lãi tiền gửi		5,000	4,555,385	
09/08/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 08 năm 2023	22,000		4,533,385	
09/08/2023	43 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh ChargeDetails OUR	Bạc Lưu 1	20,088,000	24,621,385	1310803
11/08/2023	#Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CTCCS QLHCVTXXH	15,460,000		9,161,385	
14/08/2023	Phi duy tri DV SMS Banking Thang 08/2023	55,000		9,106,385	
30/08/2023	903232-Cty Chan Nuoi Khang TT 70 gia tri con lai cua hd 1162023VQBHDKT cho CHAT LUONG VQB		17,171,000	26,277,385	BANKNETIBFT
30/08/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCS QLHCVTXXH Nhận tm	22,000,000		4,277,385	
31/08/2023	45 Phi tap huan va dien tap PCCCCNCH ChargeDetails OUR	Bạc Lưu	51,200,000	55,477,385	5476043
31/08/2023	TTSPBHXH: FT Trace[828006]-[Công ty TNHH Giải pháp chất lượng VQB thanh toán tiền BH NV tháng 08/2023, TB0041B]	3,840,000		51,637,385	
31/08/2023	Lãi tiền gửi		3,000	51,640,385	
06/09/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCSQLHCVTXXH Nhận TM	11,773,000		39,867,385	
08/09/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CTCCS QLHCVTXXH Nhận tm	38,400,000		1,467,385	
11/09/2023	46 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh ChargeDetails OUR	Bạc Lưu 1	20,088,000	21,555,385	2383264
13/09/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 09 năm 2023	22,000		21,533,385	
16/09/2023	Phi duy tri DV SMS Banking Thang 09/2023	55,000		21,478,385	
18/09/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận TM	15,460,000		6,018,385	
19/09/2023	715133-Cty Chan Nuoi Khang TT 40 gia tri hd so 1192023VQB -HDKT cho GIAI PHAP CHAT LUONG VQB		47,872,000	53,890,385	BANKNETIBFT
21/09/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CTCCS QLHCVTXXH Nhận TM	10,000,000		43,890,385	
26/09/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nộp tiền :		10,000,000	53,890,385	
26/09/2023	Cong ty VQB thanh toán chi phí mua hang dot 2	52,490,000		1,400,385	API003119308
26/09/2023	Cong ty VQB thanh toán chi phí mua hang dot 2	17,322		1,383,063	003119308
30/09/2023	Lãi tiền gửi		7,000	1,390,063	
11/10/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 10 năm 2023	22,000		1,368,063	

Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình

Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình

Điện/Fax: 0232.3572220/0232.3572306

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

Siêu thị thực phẩm và dịch vụ nông thôn

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
14/10/2023	Phi duy trì DV SMS Banking Tháng 10/2023	55,000		1,313,063	
16/10/2023	49 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Binh ChargeDetails OUR	Đặc lưu	20,088,000	21,401,063	6473783
16/10/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nộp tiền :		22,000,000	43,401,063	
16/10/2023	CTY VQB TTOAN 50% CON LAI PHI DANH GIA GG TAI CHI NHANH 2 TAI BEN TRE	22,000,000		21,401,063	API006560753
16/10/2023	CTY VQB TTOAN 50% CON LAI PHI DANH GIA GG TAI CHI NHANH 2 TAI BEN TRE	11,000		21,390,063	006560753
17/10/2023	SPBH:FT[037338763]Cong ty TNHH Giai phap chat luong VQB thanh toan tien bao hiem nhan vien cong ty thang 9/2023, TB0041B	3,840,000		17,550,063	37338763
18/10/2023	Cao Thị ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCS QLHCVTXH Nhận tm	13,000,000		4,550,063	
30/10/2023	Thanh toan cho so chung tu: 231025 1034871 1511002	Đặc lưu	64,733,000	69,283,063	1631988
30/10/2023	Thanh toan cho so chung tu: 231025 1034871 1511001	Đặc lưu	67,176,000	136,459,063	1633029
31/10/2023	EATAX NOP THUE DIEN TU MST:3101021403-SO CT:6624657	2,355,530		134,103,533	12289329
31/10/2023	EATAX NOP THUE DIEN TU MST:3101021403-SO CT:6624645	18,134,749		115,968,784	12288804
31/10/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nộp tiền :		4,518,000	120,486,784	
31/10/2023	CTY VQB thanh toan 50% con lai lai phi danh gia GG tai chi nhanh Vung Tau, Binh Dinh, Kien Giang	67,732,500		52,754,284	API002904850
31/10/2023	CTY VQB thanh toan 50% con lai lai phi danh gia GG tai chi nhanh Vung Tau, Binh Dinh, Kien Giang	22,352		52,731,932	002904850
31/10/2023	Lãi tiền gửi		2,000	52,733,932	
01/11/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận TM	20,000,000		32,733,932	
01/11/2023	SPBH:FT[034475676]CONG TY VQB THANH TOAN TIEN BAO HIEM NHAN VIEN T10/2023-TB0041B	3,840,000		28,893,932	34475676
03/11/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận TM	27,000,000		1,893,932	
07/11/2023	Cty Chan Nuoi kang TT hd 54 - 11.10.23 cho VQB		71,808,000	73,701,932	94223923
07/11/2023	141844-IBVCB.4575274710.087814 tt tien mua hang.CT tu 1021860094 TRAN NGUYEN QUYNH TAM toi 3806201002714 CTY TNHH GIAI PHAP CHAT LUONG VQB tai AGR		1,900,000	75,601,932	BANKNETIBFT
08/11/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 11 năm 2023	22,000		75,579,932	
08/11/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận tm	73,200,000		2,379,932	
14/11/2023	Phi duy trì DV SMS Banking Tháng 11/2023	55,000		2,324,932	
14/11/2023	58 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001/60 Danh Gia Chung Nhan Global GAP/59 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 14001 ChargeDetails OUR	CM tại bke	172,790,182	175,115,114	7126894
15/11/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận tiền mặt	174,000,000		1,115,114	
20/11/2023	57 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Binh ChargeDetails OUR	Đặc lưu	20,088,000	21,203,114	9302629

Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình

Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình

Điện thoại/Fax: 0232.3572220/0232.3572306

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
22/11/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận TM	17,750,000		3,453,114	
24/11/2023	61 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 14001/62 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001 ChargeDetails OUR	Bình 1	46,390,909	49,844,023	8395010
27/11/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CTCCSQLHCVTXXH	47,000,000		2,844,023	
29/11/2023	65 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 14001/66 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001 ChargeDetails OUR	Bình	91,898,182	94,742,205	6805954
29/11/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CCS QLHCVTXXH Nhận TM	91,000,000		3,742,205	
30/11/2023	67 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001 ChargeDetails OUR	Bình bình	25,772,727	29,514,932	9498284
30/11/2023	Lãi tiền gửi		4,000	29,518,932	
01/12/2023	SPBH:FT[031753694]Cty VQB thanh toán tiền bảo hiểm nhân viên T11/2023, TB0041B	3,840,000		25,678,932	31753694
01/12/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt #044190001285 #28/05/2021 #CTCCSQLHCVTXXH Nhận TM	20,000,000		5,678,932	
04/12/2023	68 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 14001 ChargeDetails OUR	Bình bình	38,988,000	44,666,932	7529448
04/12/2023	EATAX NOP THUẾ DIỆN TỤ MST:3101021403-SO CT:7396302	13,269,935		31,396,997	17627172
04/12/2023	EATAX NOP THUẾ DIỆN TỤ MST:3101021403-SO CT:7396403	14,299,126		17,097,871	17631459
06/12/2023	72 Danh Gia Chung Nhan Global GAP/71 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001/70 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 14001 ChargeDetails OUR	V Tầu 1	153,684,000	170,781,871	1433055
08/12/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận tiền mặt	169,000,000		1,781,871	
11/12/2023	75 Lay Mau Giam Sat Co So An Toan Dich Benh ChargeDetails OUR	Bình	20,088,000	21,869,871	2855645
13/12/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 12 năm 2023	22,000		21,847,871	
14/12/2023	Phí duy trì DV SMS Banking Tháng 12/2023	55,000		21,792,871	
14/12/2023	77 Danh Gia Chung Nhan Global GAP ChargeDetails OUR	Bình 2	80,892,000	102,684,871	9297538
15/12/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận TM	100,000,000		2,684,871	
15/12/2023	74 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001/73 Danh Gia Chung Nhan TieuChuan ISO 14001 ChargeDetails OUR	V Tầu 1	74,952,000	77,636,871	1621552
18/12/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận tiền mặt	76,500,000		1,136,871	
22/12/2023	78 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001/79 Danh Gia Chung Nhan Global GAP/80 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 14001 ChargeDetails OUR	Minh Thuận 1	155,618,182	156,755,053	6483846
25/12/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận tiền mặt	155,000,000		1,755,053	
25/12/2023	82 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001/83 Danh Gia Chung Nhan TieuChuan ISO 14001 ChargeDetails OUR	Minh Thuận 2	64,760,727	66,515,780	1421877
25/12/2023	Cao Thị Ánh Nguyệt nhận tiền mặt	20,000,000		46,515,780	

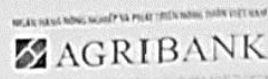
Website: www.agribank.com.vn.

6/7

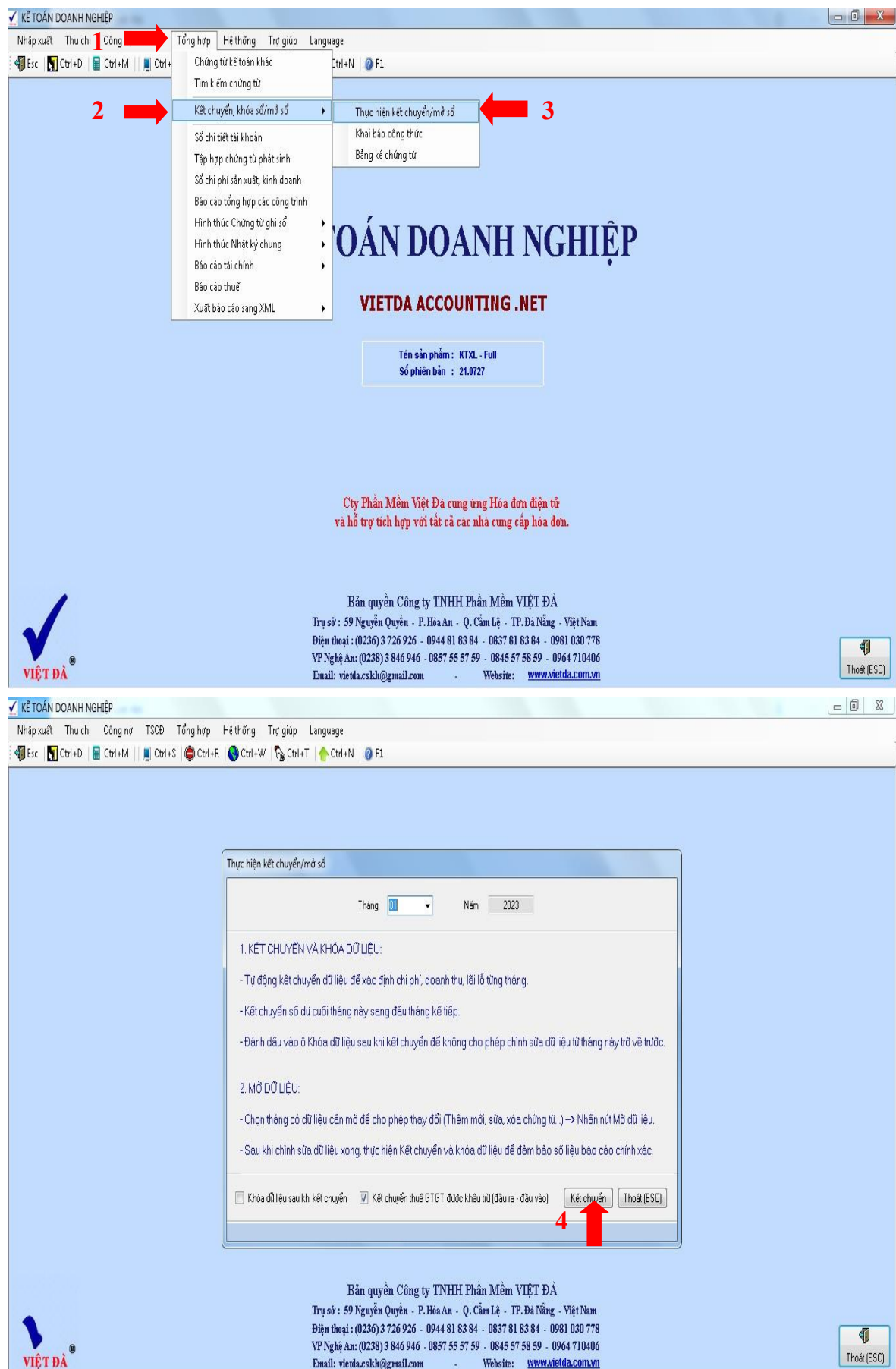
Người in: HMDHLINH Thời gian in: 17/01/2024 14:42:21

Địa chỉ: Agribank Chi nhánh huyện Minh Hoá - Bắc Quảng Bình
 Quy Đạt, Minh Hóa, Quảng Bình

Điện thoại/Fax: 0232.3572220/0232.3572306



Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
25/12/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận TM	10,000,000		36,515,780	
27/12/2023	85 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 14001/84 Danh Gia Chung Nhan Tieu Chuan ISO 9001 ChargeDetails OUR		74,952,000	111,467,780	5451700
27/12/2023	Cty VQB thanh toan hoa doan HL28174	1,912,000		109,555,780	API005477007
27/12/2023	Cty VQB thanh toan hoa doan HL28174	11,000		109,544,780	005477007
27/12/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nhận tiền mặt	105,000,000		4,544,780	
27/12/2023	SPBH:FT[035570634]Cong ty VQB thanh toan tien BINH T12/2023, TB 0041B	3,840,720		704,060	35570634
28/12/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nộp tiền :		100,550,000	101,254,060	
28/12/2023	Cao Thị ánh Nguyệt nộp tiền :		400,000	101,654,060	
28/12/2023	Cty VQB thanh toán tiền vật liệu	100,550,000		1,104,060	
31/12/2023	Lãi tiền gửi		7,000	1,111,060	



Phụ lục số 7 Giao diện kết chuyển

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), Thông tư 133/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn chế độ kế toán của doanh nghiệp.
2. Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

[illegible]